

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 10

1. Trần Cao Tổ:

Nhà Trần đóng đô ở Kiến Thang. Lôi Thị nói: “Trần Cao Bá Tiên, Văn, Phế, Tuyên cả thấy năm đời vua, trị vì ba mươi ba năm.

Đình Sứ: Cao Tổ Vũ Hoàng đế: Họ Trần, húy là Bá Tiên, tự là Hưng Quốc, thuở nhỏ có tự là Pháp Sinh, người ở Ngô Hưng, Trường thành. Ông nhận ngôi từ Lương Kính đế, mất ở điện Tinh Kỳ, thọ năm mươi bảy tuổi, trị vì ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Định.

Chu Mẫn đế: Tự là Văn Giác bị anh là Hộ giết chết rồi lập Dục lên ngôi.

Trong bài tựa nói: “Vận nước nhà Lương suy vi, họa khó tránh khỏi. Giặc Đông Ngụy là Hầu Cảnh nhân sơ hở mà vào. Cao Tổ vì nghĩa nên nhận ông ta và phong làm Hà nam vương. Cảnh lợi dụng được vua yêu mến rồi làm phản, vây hãm vua ở Đài thành. Trước đó Lương Tương Đông vương đã đem binh trấn giữ kinh, Thiểm sai bọn Vương Tăng Biện, Trần Bá Tiên bình định Kim Lăng. Không bao lâu Tương Đông vương bị Tây Ngụy giết chết. Hầu Cảnh cũng bị tru di. Tăng Biện lại bị Bá Tiên giết. Thái Bình năm đầu, Lương Kính đế nhường ngôi. Bá Tiên lên ngôi ở Kim Lăng, lấy họ làm quốc hiệu.

Gia thế Bá Tiên vốn rất nghèo. Ông tự cho mình là hậu duệ của Hán Thái Khâu Trường Trần Thật. Thân ông cao chín thước hai tấc, râu dài ba thước, tay dài quá gối, là người thông minh, phóng khoáng, có tài mưu lược. Sau khi lên ngôi, ông nối nghiệp nhà Lương, kính ngưỡng Phật giáo. Hơn bảy trăm ngôi chùa ở Kim Lăng bị Hầu Cảnh đốt phá sạch, Trần Cao Tổ đều cho sửa sang tu bổ lại. Ông dịch kinh giảng pháp chẳng thua kém gì các đời vua trước. Từ khi lập quốc đến Trinh Minh thứ ba, cả thấy năm đời vua, trị vì ba mươi ba năm. Sau đất nước vào tay nhà Tùy. Trong hai mươi bốn năm ông cùng nhà Chu trị vì muôn dân, chín năm cùng Tùy nắm giữ triều chánh.

Bấy giờ có Tam tạng Pháp sư Cầu-na-đà-la người nước Ưu-thiên-

ni, Thiên Trúc (đời Trần dịch là Chân Đế). Trong mười bốn năm ngài đã dịch được bốn mươi tám bộ kinh luận gồm hai trăm ba mươi hai quyển lưu hành khắp trong nước.

Pháp sư Chân Quán là bậc Long tượng của tông môn. Thời ấy Từ bộc xạ nắm quân, muốn Tăng đi lính. Sư liền gửi thư khuyên can. Ngôn từ của Sư thống thiết, làm cho vua quan phải hồi tâm tỉnh ngộ. Sư còn trước tác Vô Tánh Nhân Duyên Luận.

Chu Minh đế: Tên là Dục, thuở nhỏ tự là Thống Vạn, con trưởng của Vũ Văn. Dục ở ngôi bốn năm, đổi niên hiệu là Vũ Định.

Canh Thìn: Văn Đế: Tên là Thiến, tự Tử Hoa, con trưởng của anh Cao Tổ là Chiêu Liệt Vương Hưng. Cao Tổ cùng anh mưu cầu đế nghiệp, nên di chiếu lập Thiến. Ông mất ở điện Hữu giác, ở ngôi bảy năm đổi niên hiệu là Thiên gia.

Nhà Chu: Minh đế bị anh là Hộ chuốc thuốc chết rồi lập em là Ung lên ngôi.

2. Thiên sư Tăng Trù ở chùa Bá Nham:

Thiên sư Tăng Trù là học trò của Tam tạng Bạt-đà. Sau khi thọ Cụ túc ngài đến ở tại chùa Thiếu Lâm, Tung sơn. Sau lại đến chùa Bá nham giải quyết việc đối kháng giữa hai giáo phái. Do vậy ai nấy đều nghe danh ngài. Tề Càn Minh năm đầu, ngài thị tịch tại chùa Vân môn ở Long sơn.

Tề Hiếu Chiêu đế tên là Diễn, tự là Diên An, là con thứ sáu của Thần Vũ. Ông là người thông minh nhân hậu, cần cù việc trị nước. Năm đầu nhân lúc đi săn, ngựa hoảng sợ chạy, ông té xuống đất rồi chết, an táng ở Tỉnh Lăng, thọ năm mươi bảy tuổi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hoàng Kiến.

Chu Vũ Đế: Tên là Ung, thuở nhỏ có tự là Di La, con thứ tư của Vũ Văn. Lúc lên ngôi, ông chỉ mặc áo vải, không dùng châu ngọc trang sức, cấm đoán ăn mặc lòe loẹt, chỉ ngồi trên thêm giải quyết triều chánh, không bày biện chạm trổ, phi tần, thể nữ ở hậu cung không tới mười người. Ông ở ngôi mười tám năm, đổi niên hiệu là Bảo định. Ông mất trên xa giá, an táng ở Hiếu lăng, thọ ba mươi sáu tuổi.

3. Pháp sư Hồng Yển:

Pháp sư Hồng Yển là người rất được Văn Đế kính trọng. Khi sứ Tề là Thôi Vũ Tử cậy tài chuyên quyền, triều đình đều lo lắng. Vua thấy tài của ngài tinh thông cả nội điển lẫn chánh sự bèn mời làm quan

kết bạn với Vũ Tử. Vũ Tử thấy vậy than thầm rồi về nước. Từ đó triều đình muốn thay đổi ý chí của ngài bằng con đường làm quan. Nghe được việc đó ngài liền tuyệt thực tự tử cho đến chết. Vua thấy ngài thật lòng bền thoi. Bấy giờ vua gọi ngài là Yến Tử Tuyệt, nghĩa là dung mạo, đức hạnh, văn chương, thư pháp của ngài đều tuyệt hảo. Lúc lâm chung, ngài dặn dò đồ chúng rằng:

- Người thế gian bị tâm tham làm cho tối mắt. Tham với mình thì một sợi lông cũng thấy tiếc, tham với người mãi cầu không chán. Thậm chí sau khi chết còn xây mộ cho cao, quan quách cho dày. Đó có khác gì tự xây tường thành giam mình nơi chín suối, thật đáng thương! Sau khi ta nhắm mắt, các ông phải chặt róc cái thân hôi thối này bố thí cho điều, quạ, chim chóc.

Sau khi ngài tịch, đệ tử làm đúng lời dạy. Ngài soạn bộ Văn Tập gồm hai mươi quyển, vua hạ chiếu cho cất giữ tại bí các.

4. Pháp sư Bảo Quỳnh:

Pháp sư Bảo Quỳnh là người được Trần Tuyên đế thỉnh làm Tăng Thống. Ngài dùng phép tắc khéo léo cai quản chúng Tăng nên tứ chúng đều an vui. Ngài nhiều lần vào điện Trùng Vân giảng thuyết, vua tôn ngài làm thầy. Hồi ấy trong thời Ngụy, Lương, Tăng Thống thường trau chuốt tích trữ, xâm tổn đến của cải vua quan. Đến ngài thì tiêu vua bãi bỏ việc ấy. Mỗi lần xuất du, ngài chỉ chống cây gậy khổ hạnh và đội chiếc nón mà thôi. Thời ấy, phía Đông có mười hai quốc gia, nghe đức hạnh của ngài nhưng chưa được gặp, bèn sai sứ đem vàng bạc lụa là đến dâng cúng rồi xin họa tượng ngài. Ngài là người được thiên hạ kính ngưỡng đến như vậy. Ngài mất, Pháp sư Đàm Diễm lên thế chức Tăng Thống. Đàm Diễm cũng là người nổi tiếng rất được trọng vọng. Lúc mới sinh ra, Đàm Diễm có đủ bốn mươi cái răng, đó đủ thấy ngài là người rất khác tục.

Nhâm Ngọ: Hậu Lương Thế Tông: Tên là Khuy, tự là Nhân Viễn, con thứ ba của Sát, ông trị vì hai mươi ba năm, đổi niên hiệu là Thiên Bảo.

Tề Vũ Thanh đế: Tên là Trạ, con thứ chín của Thần Vũ. Ông dâm loạn bạo ngược, tin dùng kẻ được sủng ái. Ông truyền ngôi cho Thái tử, trị vì được bốn năm, thọ ba mươi hai tuổi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Ninh, sau đổi niên hiệu là Hà Thanh.

Ất Dậu: Tề Hậu Chủ tên là Vĩ, tự Nhân Cương, con trưởng của Vũ Đế. Bản tánh hôn mê bạo ngược, giết trung thần như Thôi Quý... Trị vì

được ba năm, đổi niên hiệu là Thiên Thống.

Thụy tượng Chiên-đàn tồn tại ở Hà nam được ba trăm sáu mươi bảy năm.

5. Vệ Nguyên Tung dâng sớ đòi vua giảm bớt Tăng:

Trong năm này, Vệ Nguyên Tung dâng sớ đòi vua giảm Tăng chúng. Ban đầu Chu Vũ Đế kính ngưỡng Phật pháp. Thiên bảo thứ sáu, Tung đưa ra mười một điều đòi giảm chùa, giảm Tăng. Tung nói:

- Tăng phần nhiều lười biếng, tham lam tiền của, không đáng để cung kính.

Vua liền triệu một trăm Tăng vào đạo tràng rồi rình xem trong bảy ngày có xảy ra việc gì không, rốt cuộc không có việc gì, vua bèn dừng việc kiểm chứng. Sau đó, Tung bị báo ứng, bị bạo bệnh rồi chết. Thế Tôn nói: “Trùng trong thân sư tử”.

Vệ Nguyên Tung lẽ đâu lại không phải là hạng đó sao.

Bính Tuất: Đổi niên hiệu là Thiên Khang. Nhà Chu đổi niên hiệu là Thiên Hòa và dùng lịch Thiên Hòa.

6. Phế Đế:

Tên là Bá Tông, lên ngôi đổi niên hiệu là Quang Thái, mất năm mười chín tuổi, trị vì được hai năm.

Phật pháp truyền vào Trung Quốc được năm trăm năm.

7. Thiên sư Tuệ Tư, Tổ của tông Thiên Thai:

Sư họ Lý, người Vũ tân. Thuở nhỏ rất khoan dung, nhân từ, đầu có nhục kế, tai có hai vành, nhìn như voi, đi như cọp, tướng mạo rất phi phàm. Một hôm, Sư nằm mộng thấy Phạm tăng đến khuyên xuất gia, Sư liền từ giã song thân thế phát xuất gia. Sau khi thọ giới Cụ túc, mỗi ngày sư chỉ ăn một bữa, không thọ biệt thỉnh.

Nghe Bắc Tề Tuệ Văn Thiên sư nhóm chúng hành pháp thanh tịnh, Sư liền đến quy y. Từ khi thọ nhận được chánh pháp, Sư thường ưa khổ hạnh, lấy việc độ Tăng làm sự nghiệp, chỉ trong hai mươi một ngày sư chứng Túc mạng trí, nhưng tập khí lậu nghiệp vẫn chưa dứt sạch. Sau đó trong định, Sư phóng thân dựa vào tường, thân chưa chạm tường thì hốt nhiên tỏ ngộ Pháp hoa Tam-muội. Pháp môn Đại thừa liền thấu triệt chỉ trong một niệm, mười sáu bội xả thù thắng dần dần thể nhập hết, từ đó liền thấu triệt nguồn tâm, mà chẳng phải từ ai khác. Sư khai thị chúng:

- Nguồn đạo không xa, biển tánh rất gần, chỉ tìm cầu ngay chính mình chớ tìm ở người khác, vì tìm rớt cuộc chẳng được, mà có được đi nữa cũng không phải là chân thật. Các ông bị chôn chân trong pháp vị, bị ngưng trệ trong giáo điều. Cứ ở mãi trong núi mới là nơi an ổn lâu dài.

Nói xong, Sư dẫn đồ chúng hơn bốn mươi người qua thẳng Nam nhạc, lúc đó là ngày hai mươi ba tháng sáu niên hiệu Quang đại thứ hai nhà Trần. Vừa đến, ngài liền nói:

- Ta đến đây ở đúng mười năm mà thôi.

Nguyên núi này đã có sư Tuệ Hải ở trong chùa Hành Nhạc từ đời nhà Lương. Vừa thấy Sư đến, Tuệ Hải vui vẻ nhường cho Sư. Thời bấy giờ người ta gọi sư là Tư Đại Hòa thượng.

Có người hỏi Sư:

- Sao thầy không xuống núi giáo hóa chúng sinh?

Sư đáp:

- Ba đời chư Phật đã bị một cái miệng ta nuốt hết, làm gì còn có chúng sinh nào để giáo hóa.

Có một lần sư không vui, nhân đó nói:

- Bệnh do nghiệp sinh, nghiệp do tâm khởi, tâm duyên không khởi thì ngoại cảnh làm sao có tướng! Bệnh của nghiệp và bệnh của thân đều như bóng mây. Tác quán như vậy thì thân liền khinh an.

Trần Cao Tổ mời sư vào kinh đô, thỉnh sư ở tại chùa Thê Huyền. Vua tận tâm cung kính mong sư chỉ dạy. Ở được thời gian, Sư từ biệt vua về lại Nam Nhạc. Sư nói:

- Tôi dừng ở núi này chỉ mười năm thôi, nay đã hết hạn phải đi nơi khác.

Lúc ấy, mọi người chẳng hiểu sư muốn nói gì.

Về đến núi, Sư tập hợp đồ chúng thuyết giảng pháp liên tục trong mấy ngày liền. Sư thống thiết quở trách, người nghe đều cảm thấy chạnh lòng khiếp sợ.

Ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Đại Kiến thứ chín đời Trần, Sư ngửi thấy mùi hương lạ, Sư bèn nhiếp tâm kiết già thị tịch. Từ chân lên đỉnh đầu toàn thân sư đều ấm, thân sắc vẫn như người sống. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi.

Sư hành trì Bồ-tát tam tụ tịnh giới, đến những thứ như quần áo, giày dép, Sư nghĩ đều tổn hại đến chúng sinh, nên y phục của sư đều làm bằng sợi gai thô xấu. Mùa lạnh thì Sư cắt cỏ dồn đống để tránh gió xương. Đến như y pháp mà Sư đắp cũng không hề có sợi tơ tằm. Giả sử

được pháp vị cũng không nói mình chứng đắc. Dù xin hay được cúng tế lựa để may y, Sư đều dựa vào giới luật cắt bỏ hết tơ tằm, Sư nghĩ cắt bỏ hết dục tình thì tâm làm sao phóng túng được. Chỉ có ngài Nam Nhạc mới đích thật là người tôn trọng, noi đúng Thánh luật. Ngày nay những môn phái khác có những người ăn mặc lòe loẹt, chạy theo cái đẹp bên ngoài, lẽ đâu không thấy hổ thẹn sao!

8. Tuyên Đế: (Kỷ Sử)

Tuyên đế tên là Húc, tự Thiện Thế. Thuở nhỏ tự là Sư Lợi, con thứ của Chiêu Liệt Vương Hưng, em của Văn Đế. Thân ông cao tám thước ba tấc, có sức mạnh phi thường, giỏi bắn cung cưỡi ngựa. Ông sinh năm mười một người con, mất ở điện Tuyên phước, thọ năm mươi ba tuổi, trị vì mười bốn năm.

9. Chu Vũ Đế ra lệnh tam giáo nêu rõ sự lợi hại:

Thiên Hòa thứ tư, Vũ Đế ra lệnh cho danh Nho, Tăng, Đạo phải trình bày rõ sự lợi hại của giáo phái mình. Sa-môn Đạo An bèn viết Nhị Giáo Luận gồm hai mươi thiên, cho chín phái Nho, Đạo là ngoại giáo, Phật đạo là nội giáo. Đại lược nói:

“Thời thượng cổ con người vốn chất phát, những bài cáo về lễ nghi cúng tế không mấy thịnh hành rộng rãi. Thuần phong ngày một tha hóa, từ đó người ta mới viết những áng văn nói về tế tự mộ phần. Những bài văn đó bao gồm cả thất điển, thông nhiếp cả cử lưu, là những kế sách để trị nước, đồng thời là những cách thức để tu thân. Đến khi phân dòng chia nhánh, hình thành chín phái. Còn như tổng hợp lại thì cùng thuộc Nho tông. Nay chỉ vì một biến đổi bên trong làm cho chín phái nổi lên tranh luận. Đạo lớn ở đời phải khiến cho kẻ nhỏ nổi lên tranh chấp. Làm như vậy lẽ đâu chẳng phải là trên thì làm tổn thương đến gia phong to lớn của Hoàng thiên, dưới thì bắt thang cho kẻ dốt nát nông cuồng đó sao!”

Ngài lại xiển dương thánh giáo rồi tâu rõ với vua. Qua thời gian lâu nhưng không thấy vua trả lời.

Ngài hầu hạ mẹ mình rất chu đáo. Những việc như gạo cơm, củi lửa... Ngài đều tự làm hết. Học trò ngài có người muốn làm thay, ngài nói:

- Mẹ của ta lẽ đâu ta lại để cho người khác phải lao nhọc sao.

Đến khi Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp, nhưng ngài vốn là người được trọng vọng nên vua muốn cho ngài làm quan. Đạo An bèn lấy cái

chết để cự tuyệt. Ngài liền đem giáo pháp kinh điển chôn đi rồi gào khóc thảm thiết mà chết.

10. Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp:

Thiên Hòa thứ tư, Chu Vũ Đế bịa chuyện dèm pha Hắc y (Phật giáo). Vũ Đế vốn có tâm nghi ngờ, lại thêm bọn đạo sĩ Trương Tân xúi giục, mưu mô kết bè kết đảng, cho rằng màu y của Phật giáo là điều tối kỵ của đất nước (hồi ấy Tăng mặc y màu đen), màu vàng của Lão giáo mới là điều kiết tường. Vũ Đế tin là thật khởi tâm khinh Phật giáo. Vũ Đế đích thân nhận Phù Lục mặc y, đội mũ.

Ngày rằm tháng ba năm này, Vũ Đế hạ chiếu cho danh sĩ của tam giáo, văn võ bá quan cả thảy hơn hai ngàn người tập trung trong điện đường để khảo xét tam giáo, vua ngồi giữa điện. Vua cho đạo giáo ra đời từ khi chưa có tên gọi, vượt hẳn cả trời đất. Ba bên luận nghị rồi bởi chẳng phân thắng bại. Đến ngày hai mươi lại tập trung luận nghị lần nữa, lần này thì phi càng hơn lần trước. Vũ Đế nói:

- Đạo giáo và Nho giáo nước ta thường tôn thờ, Phật giáo đến sau. Ý trẫm không theo Phật giáo, các khanh cứ bàn bạc nêu được lý do, bằng không phải tẩy trừ vậy.

Đến đầu tháng tư, vua quan đạo sĩ lại tập trung xung đột như lần trước. Dù hết lời biện luận nhưng chẳng ai đồng ý với ai. Mỗi giáo đều nêu ra cái lý của mình rồi cuộc bất phân thắng bại. Vũ Đế bèn ra lệnh cho Tư lệ đại phu Chân Loan xem xét kỹ hai giáo.

Đến Thiên Hòa thứ năm, sau khi xem kỹ thuyết giáo của hai giáo, Chân Loan viết Tiểu Đạo luận gồm ba quyển dâng vua.

11. Chân Loan dâng Tiểu Đạo Luận:

Trong ấy đại khái nói:

“Trộm nghĩ Phật giáo, Đạo giáo sự tích không đồng, hưng suy ẩn hiện đổi thay cũng khác. Những đạo lý u huyền mâu nhiệm cũng đâu dễ quyết đoán chính xác. Nay thử đem một việc để so sánh thì Phật lấy nhân duyên làm tông, Đạo lấy tự nhiên làm nghĩa. Tự nhiên thì không tạo tác mà thành, nhân duyên thì tích chứa công hạnh mới chứng đắc. Trong Xuân Thu truyện nói: Vua bảo được nhưng lại có điều không đúng, bề tôi bảo được là để loại trừ cái không đúng đó. Bề tôi là hạng người nào? Là người tuân theo thánh chỉ nên không dám nói thật. Hai thiên Đạo Đức đáng làm tông chỉ cho nhà Nho, những người nghi ngờ, lầm lẫn lại muốn vứt bỏ cả hai. Dám xin nhà vua xem xét lại.

Xét trong Ngũ Thiên Văn (Đạo Đức Kinh) nói: Bậc thượng sĩ nghe đạo thì siêng năng thực hành, bậc trung sĩ nghe đạo thì thoát nhớ thoát quên, bậc hạ sĩ nghe đạo thì cười ngất. Không cười thì không gọi là đạo.

Thần xin đem cái thấy biết của hạ sĩ viết Tiểu Đạo luận ba quyển, tổng cộng ba mươi sáu điều. Ba quyển là cười về Tam động (Động chân, Động huyền, Động thần của Nho gia), ba mươi sáu điều là cười về ba mươi sáu bộ kinh của đạo ấy”.

Thần run sợ, khép nép xin dâng.

Ngày mười tháng năm, Vũ Đế đại tập quần thần để bàn về Tiểu Đạo luận của Chân Loan. Vũ Đế cho rằng lý lẽ của luận làm thương tổn đến đạo pháp, không hợp với tín ngưỡng của mình nên ra lệnh đốt (việc này ghi rõ trong Hoàng Minh tập).

Chu Đại phu Chân Loan quả là người quân tử thấy rộng, chẳng biết khiếp sợ trước quyền uy, lại dũng khí với những kẻ đối địch. Vua ra lệnh thẩm định hai giáo, thì ông lại dùng ngay chánh kiến của mình để phân định rạch ròi phải trái, bày tỏ hoai bão của mình, viết bộ luận này nhằm khen chê, chỉ thẳng điều hay, lẽ quấy.

Kinh thi nói: “Đâu chỉ có người quân tử mới không ngừng cầu phước”.

Chính là muốn chỉ con người này, nhưng tiếc thay bộ luận lại bị đốt mất.

12. Đạo An dưng vua Nhị Giáo luận:

Đạo An dưng vua Nhị Giáo luận gồm hai mươi thiên do chính mình viết. Vũ Đế xem xong hỏi ý kiến quần thần, không ai có ý kiến gì, thế là vua chấp nhận. Trong ấy đại khái nói: “Thuật luyện tâm là Tam thừa, là nội giáo. Thuật cứu hình là cứu lưu, là ngoại giáo. Đạo không phải là tôn giáo nào khác mà chính là các phái của Nho gia. Trong Hán Thư Nghệ Văn Chí nói: Nho gia phát xuất từ quan Tư đồ, chủ trương giúp vua, thuận theo âm dương, nêu cao việc giáo hóa qua lại trong Lục kinh, để thần trong Ngũ đức. Họ thuật lại hiến chương văn võ của Nghiêu Thuấn, tôn thờ Trọng Ni. Đạo này cao nhất.

Đạo gia phát xuất từ sử quan, chủ trương trong sạch, rỗng lặng, thường khép mình mà giữ đạo. Và phải là người quay mặt về Nam, phải thể hiện được tính khiêm cung của vua Nghiêu, tính nhún nhường của vua Thuấn. Đó là sở trường.

Âm dương gia phát xuất từ Quan Hy Hòa, chủ trương thuận với

trời xanh, theo vận quay của nhật nguyệt, dạy cho dân về ngày giờ. Đó là sở trường.

Pháp gia phát xuất từ Lý quan, chủ trương thưởng phạt công minh dựa trên lễ chế. Kinh Dịch nói: “Tiên vương dùng hình phạt sáng suốt để duy trì chánh sự”. Đó là sở trường.

Danh gia phát xuất từ Lễ quan, chủ trương ngày xưa danh phận và địa vị không đồng nên lễ nghi cũng phải khác. Khổng Tử nói: “Danh cần phải chân chính, danh không chánh thì ngôn không thuận, ngôn không thuận thì việc không thành”. Đó là sở trường.

Mặc gia phát xuất từ Quan Thanh Miếu, chủ trương ở nhà cỏ đơn sơ là quý trọng tánh cần kiệm, trường dưỡng Tam Lão Ngũ Cảnh là thuyết Kiêm ái của Mặc gia. Chọn lựa kẻ sĩ tài giỏi là tôn trọng người tài. Cúng tế mẹ cha là hiếu đễ. Đó là sở trường.

Tung Hoàn gia phát xuất từ Quan Hành Nhân. Khổng Tử nói: “Tụng thuộc ba trăm bài kinh thi, nhưng đi sứ bốn phương lại không có tài ứng đối thì học nhiều nào có ích gì. Nhưng có lần lại khen “Sứ giả giỏi! Sứ giả giỏi!” Ý nói khi nắm quyền nhận lệnh thì nên nhận mệnh lệnh và không câu chấp vãn từ”. Đó là sở trường.

Tạp gia phát xuất từ Nghị Quan gồm cả Nho, Mặc, Danh và Pháp gia. Họ chủ trương biết những gì mà thể chế quốc gia có, thông suốt hết thủy pháp chế của quân vương. Đó là sở trường.

Nông gia phát xuất từ Quan Nông Tắc, chủ trương gieo trồng ngũ cốc, cày ruộng nuôi tằm để có cái ăn cái mặc. Thế nên trong Bát chánh có nói: “Một là để ăn, hai là để trao đổi, buôn bán”. Đó là sở trường.

Nếu chia ra thì thành chín phái, nếu hợp lại thì chỉ thuộc Nho tông. Văn chương mà họ trừ tác, lập luận bao gồm cả nội giáo, ngoại giáo. Văn từ cao tột, nghĩa lý trong sáng, thật đáng kính phục.

Canh Dân: Tề đổi niên hiệu là Vũ Bình.

Nhâm Thìn: Chu đổi niên hiệu là Kiến Đức.

Giáp Ngọ: Do Chu Vũ Đế đổ kị Phật giáo, tin lời của Trương Tân nên cuối cùng muốn phế bỏ Phật giáo.

Ngày mười bảy tháng năm, Kiến Đức thứ ba, Vũ Đế triệu tập cả trăm quan, rồi ra lệnh cho Sa-môn và đạo sĩ biện luận thắng thua. Trước đó Vũ Đế đã ra lệnh cho Trương Tân phải dùng những ngôn từ quỷ quyết để chiết phục Sa-môn, mượn những đạo lý ấy hòng hủy diệt Phật giáo. Hồi ấy, Pháp sư Trí Huyền đối đáp trước mặt Vũ Đế, ngài dùng những lời lẽ tinh xảo, hùng tráng để ứng đối. Vũ Đế biết Trương Tân không thể khuất phục ngài được, liền mượn thiên uy buông lời áp chế.

Bọn tả hữu đều thét bảo ngài phải nghe theo lệnh vua. Tri Huyền vẫn bình tĩnh ứng đối, càng lúc càng lưu loát, thâm thúy. Những đại thần đi theo thấy đều hồ hởi khâm phục, tán thán ngài. Vũ Đế không thể khuất phục được, hôm sau liền hạ chiếu phế bỏ cả Phật giáo và Đạo giáo.

Bính Thân: Tề đổi niên hiệu là Long Hóa. Binh lính nhà Chu vây hãm Tịnh Châu. Vua chạy trốn sang đất Nghiệp rồi truyền ngôi cho Thái tử Hằng.

Đinh Dậu: Chu đánh Tề đến đất Nghiệp. Tề Vương Vĩ chạy trốn và bị bắt. Chu vương phong ông làm Ôn quốc công. Ấu chủ Hằng đổi niên hiệu là Thừa Hóa. Ấu chủ và Hậu chủ chạy trốn sang Thanh châu, lính nhà Chu bắt được, nước Tề bị diệt vong.

Cao Tề gồm năm đời vua, trị vì tổng cộng hai mươi tám năm, cuối cùng bị Vũ Văn Chu thôn tính.

13. Chu Vũ Đế bàn việc phế lập Phật giáo, Đạo giáo.

Thừa Quang thứ hai, Vũ Đế diệt Bắc Tề, chiếm cứ Nghiệp đô. Đế dùng bọn Vi Hiếu Khoan, Dương Kiên để bình định họ Cao ở phía Đông. Vũ Đế lại triệu tập các vị đại đức cao tuổi vào điện, Đế lên tòa bàn việc phế lập. Vũ Đế nói:

- Lễ nghĩa trung hiếu trong Nho giáo, Lục kinh là phép tắc chung ở đời nên được tồn tại. Còn như chân Phật vô tướng chỉ tôn kính trong tâm, kinh Phật khen nhiều về việc xây dựng chùa tháp chỉ làm hao công tốn của của dân một cách vô ích. Hễ là kinh, tượng thì phải hủy diệt hết, tất cả Tăng, Ni đều phải hoàn tục. Ý trăm như vậy, các vị đại đức thấy có lý không?

Lúc đó Sa-môn Đại Thống cùng hơn năm trăm vị khác đều cho rằng uy của vua lẫy lừng, dù cố công can gián vua cũng khó nghe theo. Trong triều đã tẩy trừ thì khó lòng đứng vững, nên ai nấy đều im lặng. Vua liền hạ lệnh không cho thưa hỏi gì nữa. Các vị Sa-môn đại đức thất kinh nhìn nhau cúi đầu rơi lệ.

Khi ấy có Sa-môn Tuệ Viễn, họ Vương vốn là môn nhân của Hòa thượng Đàm Thỉ, là người rất có tiếng tăm. Tuệ Viễn tự nghĩ: “Phật pháp phải nhờ vào tứ chúng mới tồn tại, tứ chúng đều câm miệng lẽ đâu cho đó là lẽ chung ư?”

Ngài liền bước ra khỏi chúng nói:

- Bệ hạ là người thống lãnh quốc gia, ở ngôi vị cao nhất, tùy thuận thế tục lập ra hiến chương, tam giáo. Bệ hạ nói rằng: “Chân Phật vô tướng”, quả đúng như vậy. Nhưng sinh linh có tai mắt đều phải nhờ nghe

kinh Phật, ngắm tượng Phật mới khai mở được nguồn chân. Nay nếu bỏ hết thì lấy gì để biểu hiện sự kính ngưỡng.

Vũ Đế nói:

- Chân Phật như hư không, tự biết là được, cần gì phải nhờ vào kinh tượng.

Viễn hỏi:

- Trước thời Hán Minh đế kinh tượng chưa có mặt trong xứ này, thế tại sao mọi người chẳng biết hư không là Phật?

Vũ Đế không đáp được. Ngài nói tiếp:

- Nếu không nhờ kinh giáo mà tự biết có phép tắc, thì từ Tam Hoàng về trước chưa có văn tự, con người phải tự biết được các phép tắc như Ngũ thường... Thế nhưng tại sao lúc ấy họ chỉ biết đến mẹ mà không biết cha, như vậy có khác gì cầm thú.

Vũ Đế cũng không đáp được. Ngài nói tiếp:

- Nếu cho rằng hình tượng vô tri vô giác không có phước cần phải hủy diệt thì thất miếu của quốc gia lẽ đâu lại là việc hữu tình, nếu không tại sao lại tôn sùng một cách sai lầm như vậy.

Vũ Đế cũng không đáp được, bèn nói:

- Kinh Phật là phép tắc của ngoại quốc, nước này chẳng cần tu theo. Thất miếu của quốc gia là do đời trước lập nên, chẳng phải do trăm lập, nên nay cũng hủy diệt luôn.

Tuệ Viễn nói:

- Nếu cho rằng kinh của ngoại quốc chẳng phải là thứ nước này dùng đến, thì những gì mà Trọng Ni nói bắt nguồn từ nước Lỗ, vậy thì nước Tần nước Tấn cũng phải bỏ đi chẳng cần làm theo. Lại nữa, thất miếu cũng cho rằng không phải, nay muốn hủy đi thì rõ ràng không tôn trọng tiên tổ. Tiên tổ không tôn trọng thì tông tộc không có thứ lớp. Tông tộc không có thứ lớp thì chẳng cần dùng đến Ngũ kinh. Trước đây bệ hạ cho Nho giáo được tồn tại, nhưng nay thì phứt bỏ cả tam giáo, như thế lấy gì để trị nước?

Vũ Đế nói:

- Nước Lỗ phong tục tập quán khác với Tấn, Tần đâu phải phạm vi cai trị của một quốc vương, nên đâu giống như kinh Phật.

Còn như thất miếu, vua chẳng trả lời được.

Viễn nói:

- Nếu cho rằng Tần và Lỗ cùng tuân theo sự giáo hóa của một quốc vương nên kinh điển được lưu hành, vậy thì Chấn Đán và Thiên Trúc vị trí tuy khác nhau nhưng đâu phải không cùng nằm trong Diêm-

phù-đề, thuộc phạm vi giáo hóa của Luân vương đó sao. Thế tại sao chẳng tuân theo kinh Phật mà lại muốn hủy bỏ riêng Phật giáo.

Vũ Đế không đáp được. Ngài nói tiếp:

- Bỏ Tăng hoàn tục là tôn trọng đạo hiếu. Kinh của Khổng Tử cũng nói: “Lập thân hành đạo là vẻ vang cho cha mẹ. Đó là hiếu hạnh, như vậy cần gì phải hoàn tục”.

Vũ Đế nói:

- Ân nặng của cha mẹ, phải ngày đêm thân cận hầu hạ, nay bỏ thân hưởng sơ thì chưa phải là người chí hiếu.

Viễn nói:

- Như vậy thì những kẻ tử hưu của bệ hạ đều có mẹ cha, thế tại sao bệ hạ không để họ đi, khiến họ cả năm trời chẳng gặp được cha mẹ.

Vũ Đế nói:

- Trẫm cũng đã mấy lần cho họ về hầu hạ mẹ cha đấy thôi.

Viễn nói:

- Phật cũng cho phép Tăng mùa đông, mùa hạ tùy duyên tu tập, mùa xuân, mùa thu về nhà phụng dưỡng cha mẹ. Cho nên Mục-kiền-liên xin cơm nuôi mẹ, Như Lai khiên quan tài an táng phụ vương. Đó là lễ lối chung, không thể phế bỏ Tăng được.

Vũ Đế lại không đáp được. Ngài lớn tiếng chống đối rằng:

- Nay bệ hạ cậy uy vua, tự tiện phế bỏ Phật pháp, đó là người tà kiến. A tỳ địa ngục chẳng lựa sang hèn, lẽ đâu bệ hạ lại không sợ.

Vũ Đế dùng dùng nổi giận, nhìn thẳng ngài và thét:

- Chỉ cần khiến bá tánh yên vui, những nỗi khổ địa ngục ta đâu chối từ.

Viễn nói:

- Bệ hạ dùng tà kiến giáo hóa nhân dân, hiện tại đã gây nghiệp khổ thì tương lai nhất định họ cùng bệ hạ đọa trong địa ngục, làm gì được yên vui.

Vũ Đế chịu thua không đáp được. Ý đồ của Vũ Đế đã quá rõ, Vũ Đế không trả lời nữa, chỉ nói:

- Tất cả Tăng phải hoàn tục.

Rồi sai Quan Hữu ty ghi tra hết số lượng của Tăng Ni.

Vũ Đế đã bạo ngược, ngài biết lúc này không cứu giúp gì được, bèn ẩn cư trong Thanh Liên sơn thuộc Sở trạch mà giữ đạo, ngài soạn Niết-bàn sở...

Vũ Đế nổi giận, Phật giáo, Đạo giáo đều bị hủy diệt. Hơn bốn mươi ngàn cơ sở ở chùa Đông Xuyên vua đem tặng hết cho Vương công.

Ba triệu Tăng đều phải đi lính hoặc về làm thường dân, tài sản đều bị tịch thu sung vào quỹ quan. Vũ Đế rất lấy làm thỏa chí. Thương thay!

14. Tình Ái xả thân vì nạn vua hủy diệt Phật pháp:

Sau khi nghe Vũ Đế hạ chiếu hủy diệt Phật pháp. Pháp sư Tĩnh Ái bùi ngùi than: “Ăn lúa của nhà Chu mà quên việc này, như thế là trung ư”.

Thế rồi ngài liền vào triều dâng biểu cầu kiến. Vũ Đế đồng ý. Lúc ấy ngài đưa ra chứng cứ, vạch rõ mọi việc báo ứng tội phước khi hủy diệt giáo pháp. Chứng cứ rõ ràng, Vũ Đế nghe xong có phần hối cải, nhưng trót đã tạo nghiệp rồi, chiếu chỉ ban hành thì không thể thu hồi được, nhân đó tạ lỗi với ngài. Tĩnh Ái lui ra khóc và nói:

- Đại giáo lâm nguy, ta nữ nào ngồi nhìn thảm cảnh này được ư. Thế rồi ngài trốn vào núi Chung Nam. Vũ Đế tìm ngài về muốn phong quan, bèn sai vệ sĩ đi tìm. Ngài nghe liền dời qua núi Thái Nhất. Vệ sĩ tìm không được, ra về. Ngài thấy Phật pháp hủy diệt, gào khóc suốt bảy ngày đêm. Ngài soạn Tam bảo Lục gồm hai mươi quyển, đặt ra chủ khách rồi luận nghị phải trái. Văn nghĩa trong ấy đều khen ngợi Đại thừa. Ngài lại ghi hết những việc thật do mắt thấy tai nghe, rồi cất tất cả vào trong động đá, ngõ hầu đời sau sẽ có người tìm ra, chấn hưng Phật giáo.

Ngài bảo đệ tử:

- Ta sinh vào thời buổi tà kiến, nay ta xả thân đây.

Đồ chúng nghe vậy gào khóc không cho. Thấy vậy ngài sai thị giả xuống núi rồi chích máu viết một bài kệ, chỉ mặc một cái áo trong, ngồi trên tảng đá lấy dao cắt xén thịt mình trải khắp trên đá, lòi ruột treo trên nhánh tùng, lục phủ ngũ tạng đều phơi ra hết. Thân ngài chỉ còn lại gân xương, tay chân, đầu mặt. Lóc hết thịt xong, ngài móc tim mình cầm trên tay rồi mất. Thị giả về thấy ngài cầm trái tim chết ngồi như vậy, còn thân thể thì chẳng vấy chút máu, chỉ thấy một dòng sữa trắng đọng lại trên đá. Mọi người biết chuyện đều rơi nước mắt. Bảy giờ ngài chỉ mới bốn mươi lăm tuổi.

Đinh Mậu: Thừa Quang thứ ba. Chu Vũ Đế diệt được Tề, đổi niên hiệu là Tuyên Chánh. Vũ Đế bệnh nặng ít thiết triều. Ngày một tháng năm vua trở về điện Diên Thọ ở Trường An, bệnh lại nặng hơn. Ngày hai mươi bốn tả hữu đưa vua về cung Vân dương. Ngày một tháng sáu Vũ Đế mất, con là Bân lên ngôi ở Đông châu.

Đường Lâm Minh Báo ký của Đường Lại Bộ Thượng thư nói:

“Có người tự xưng là ngoại tổ vốn là Tùy Bộc Xạ được phong làm Tề công”.

Ông ấy gặp Văn Đế, Văn Đế hỏi:

- Ông chết rồi sao sống lại?

Người ấy đáp:

- Lúc mới chết tôi gặp Chu Vũ Đế, Vũ Đế nói với tôi rằng: “Ông hãy vì tôi đến gặp thiên tử của Đại Tùy nói với ông ấy rằng: Xưa kia tôi với ông ấy cùng tham ô quốc khố, ngọc ngà gấm lụa tôi vẫn còn cất giữ. Nay tôi vì hủy diệt Phật pháp nên chịu cực hình trong địa ngục. Xin vua hãy giúp tôi làm việc công đức”.

Văn Đế nghe xong không dám tiêu xài, bèn đem của cải trong quốc khố phát cho muôn dân trong thiên hạ, mỗi người một tiền nhằm làm phước sám tội cho Vũ Đế.

Mậu Tuất: Chu Tuyên đế: Tên là Bân, tự Càn Bá, con trưởng của Vũ Đế. Lên ngôi chưa bao lâu Bân truyền ngôi cho Thái tử, tự xưng là Thiên Nguyên Hoàng đế. Bân kiêu ngạo, phóng túng, dâm dục, đổi niên hiệu là Đại Thành, lại đổi thành Đại Tượng. Bân mất năm ba mươi hai tuổi, an táng ở Định Lăng, trị vì được một năm.

15. Nhậm Đạo Lâm xin vua khôi phục Phật giáo:

Nhậm Đạo Lâm là người có sở học uyên thâm, thân gần với Vũ Đế. Ông đã từng nghị luận với Vũ Đế hơn hai mươi ngày, bảy mươi lần thù tạc, cuối cùng Vũ Đế vẫn không khuất phục được ông. Vũ Đế từng hứa khôi phục lại Phật giáo. Lúc chết, Vũ Đế vẫn chưa thực hiện được lời hứa, thế là Đạo Lâm càng ra sức thuyết phục. Cuối cùng Tuyên đế phải nghe theo.

Kỷ Hợi: Ngày hai mươi sáu tháng hai Chu Tuyên đế hạ chiếu:

“Phật pháp sâu rộng, các đế vương trước kia đều sùng kính, lễ đầu trăm để mai một, phế bỏ không cho lưu hành. Kể từ nay lệnh cho vương công đại thần cho đến thứ dân, ai nấy đều phải cố sức khôi phục Phật giáo. Mong các khanh hiểu được ý trăm”.

Ngày mười sáu tháng tư Tuyên đế lại hạ chiếu:

“Giáo nghĩa thâm sâu, thần kỳ rộng lớn, tuy cho phép Sa-môn mở rộng chánh giáo, khôi phục đạo pháp, nhưng những người phụng trì đạo pháp không bắt buộc phải xuống tóc, không khéo lại đi ngược với đại đạo, hãy theo oai nghi quý phạm của Bồ-tát, có quyền được làm quan đội cân đai áo mũ. Các quan sở thuộc cần chú ý”.

Bấy giờ Đạo Lâm... lựa chọn kỹ những Sa-môn có đức hạnh, thanh

danh được trọng vọng trước đây cả thảy hơn một trăm hai mươi người mới vào chùa Trắc Hồ giữ chức trụ trì như trước.

Canh Tý: Chu Tĩnh Đế: Tên là Diễn, còn có tên là Xiển, con trưởng của Tuyên Đế, lên ngôi năm Đại Tượng. Tùy công Dương Kiên làm phụ chánh. Tháng mười phong Kiên làm Tùy quốc công. Vua miễn thu thuế trong chợ, phục hưng Phật giáo, Đạo giáo. Đại Định năm đầu, Tĩnh Đế nhường ngôi cho nhà Tùy, còn mình ở biệt cung. Nhà Tùy tôn Tĩnh Đế là Giới quốc Công, khôi phục lại lễ nhạc giống như phép chế nhà Chu. Quan Thượng thư không đọc biểu, không đọc chiếu chỉ.

Tháng năm Tùy Khai Nguyên năm đầu. Tĩnh Đế mất, an táng ở Cung lăng, thọ mười chín tuổi, trị vì một năm.

Tháng năm Thiên Nguyên Hoàng đế mất, cha của Thiên Nguyên Thái hậu là Dương Kiên làm phụ chánh và được tập phong là Tùy quốc Công.

Tân Sửu: Chu đổi niên hiệu là Đại Định. Tháng giêng đổi niên hiệu, tháng hai nhường ngôi cho nhà Tùy. Họ Vũ Văn gồm năm đời vua, trị vì tổng cộng hai mươi lăm năm.

16. Tùy Văn Đế:

Tùy Cao tổ Văn Hoàng đế tên là Kiên, thuở nhỏ tự là Na-la-diên, vốn là người ở Hoảng Nông, Hoa Dương. Tiên tổ ông là hậu duệ của Hán thái úy Dương Chấn. Cháu tám đời của Chấn là Thống, làm quan ở nước Yên, Bắc bình Thái thú Nguyên Thọ làm quan ở Ngụy, Vũ Xuyên Tư mã là Tuệ Hồ, Thái Nguyên Thái thú là Liệt, Bình Nguyên Thái thú là Định, Viễn chân Tùy quốc Công là Trung sinh ra Kiên. Ông làm tướng nhà Chu và được phong làm Tùy vương. Đại Định năm đầu nhận ngôi từ nhà Chu, năm thứ tám tiêu diệt Lương, năm thứ chín bình định Trần, thiên hạ thống nhất. Ông là vị vua tài giỏi cần kiệm. Ông đóng đô ở Long Đầu sơn (trước kia là Trường An). Nhân Thọ năm thứ tư Thái tử Quảng giết ông. Ông thọ sáu mươi bốn tuổi, an táng ở Thái lăng, trị vì hai mươi ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Khai Hoàng.

Nhâm Dần: Vua mất, Thái tử lên ngôi, lập Vô ngại hội để xả thân.

Quý Mão: Hậu chủ Thúc Bảo tự là Nguyên Tú, thuở nhỏ tự là Quảng Nô, con trưởng của Tuyên Đế. Bảo lên ngôi đổi niên hiệu là Chí Đức. Bảo đam mê tử sắc, gây họa kinh hoàng. Sau đó cùng Trương Lệ Hoa, Khổng Quý Tần trốn trong giếng nơi cấm cung. Tùy Văn Đế phế ông xuống làm Trường thành công. Đến tháng mười một niên hiệu

Nhân Thọ thứ tư, ông mất ở Lạc Dương, thọ năm mươi hai tuổi, ở ngôi được hai năm.

Giáp Thìn: Tùy bắt đầu dùng lịch Giáp Tý.

Bính Ngọ: Hậu Lương, tên là Tông, tự là Ôn Văn là Thái tử của Khuy. Ông là người khoan dung, nhân hậu, học rộng tài cao, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Quảng Vận. Về sau ông bị chú mình là An bình Lăng Tiêu Nham quẫn thúc ở Giang Lăng. Quan dân đều trốn sang Trần. Tông đầu hàng nhà Tùy. Vua Tùy phế ông xuống làm Cử quốc Công. Ông trị vì hai năm, cuối cùng nhà Lương bị diệt vong.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Trinh Minh.

Kỷ Dậu: Nhà Trần gồm năm đời vua, trị vì ba mươi ba năm, sau bị Tùy thôn tính. Hậu Lương gồm ba đời vua, trị vì ba mươi bốn năm, sau cũng bị Tùy thôn tính.

Canh Tuất: Tùy Văn Đế niên hiệu Khai Hoàng thứ mười.

17. Vua xuống chiếu phục hưng Phật giáo:

Bài tựa nói:

“Mệnh trời có nhà Tùy duy trì được năm vận, đế quân sáng suốt ban ân khắp chín châu. Thế nên vừa mới sinh ra thần quang đã hiện rõ, đến khi lên ngôi điềm linh xuất hiện vô số. Nhờ đó khiến mệnh trời vẻ vang, nước nổi ngũ sắc, đất tuôn suối ngọt, núi vững muôn năm. Mây lành thành cam lộ, đá sỏi thành minh châu, làm cho người mù thấy được, kẻ điếc nghe được, người câm nói được, người què đi được. Cầm thú thấy được điềm lành dị thường, cỏ cây hiển rõ điềm linh hiếm thấy. Thế mới hay, xưa nghe bảy báu châu chỉ có vàng ròng, thần dị ngày nay bốn mùa đều là đèn ngọc. Từ thuở nhỏ, minh quân đã ở lâu vàng nhà ngọc đạo khắp đó đây. Đến lúc phục hưng lại Phật giáo thì lửa tiềm ẩn trong cây phát sáng, bèn đổi niên hiệu là Khai Hoàng.

Chu Tĩnh Đế, Đại Định năm thứ hai, rồng vàng giáng xuống ở Cự Độ, mây lành xuất hiện ở Thành Nhân. Ngày mười ba tháng hai, nhà Chu nhường đế nghiệp cho Tùy. Đến khi lên ngôi, mặc y phục màu vàng, cài trâm đen, phế bỏ bớt chức quan, chỉ giữ lại ba chức như nhà Hán. Phật pháp hưng thịnh trở lại, nước pháp dần dần thấm nhuần. Mùa Đông năm ấy có Sa-môn thỉnh được hơn hai trăm bộ kinh từ Tây Vực đem về. Vua liền ban sắc lệnh cho các quan tìm người phiên dịch. Tháng hai năm Khai Hoàng thứ hai, kinh điển liền được lưu hành. Tháng sáu, vua hạ chiếu rằng:

“Long Thủ sơn là nơi thượng nguồn, đất đai màu mỡ, hoa cỏ tươi

tốt, phong cảnh lại đẹp, nên lập kinh đô ở đó. Tất cả thành quách cung điện, phủ huyện, chùa tháp, vườn tược phải xây trước hết. Đạo lý của Phật thừa từ đây hưng hóa, phong tục muôn nơi cũng nhờ đây mà sáng lạn. Già-lam cao ngất, bảo tháp ngút trời, khai sĩ sánh vai, lòng tin nảy nở. Đến khi đổi hiệu Nhân Thọ thì bảo tháp được dựng lên, có hơn một trăm châu đều hiện điềm lành. Lúc bấy giờ bốn biển lặng yên, chín châu thái bình, có đến ba trăm ngàn Tăng Ni, năm ngàn ngôi tự viện, hai mươi bốn người đạo tục làm việc phiên dịch, kinh luận được dịch ra đến năm trăm quyển. Đến khi Dạng Đế lên ngôi đời quốc đô về Đông đô, nhưng vẫn giữ lại một đạo tràng dịch kinh trong vườn Thượng uyển ở Lạc Tân, đồng thời cúng dường tứ sự chẳng lúc nào thiếu. Trong một triều đại, hai vua nối nhau trị vì ba mươi bảy năm nhưng đã có mười lăm bậc Tổ sư, Cao Tăng, long tượng của Phật pháp đã phát huy rực rỡ nền Phật giáo trong đời đại Tùy của chúng ta”.

18. Pháp sư Đàm Diên truyền tám giới cho vua:

Sư có phong thái rất dị thường, cao chín thước sáu tấc, tay dài quá gối, mắt nhìn rất xa, là người nổi danh không thua kém gì Pháp sư Tuệ Viễn. Sư trước thuật nghĩa số của các kinh. Hồi ấy học giả cho rằng, nêu rõ tông yếu thì Viễn không bằng sư, nhưng dùng văn chương chuẩn xác thì sư không bằng Viễn. Tề thái tử thường theo sư học đạo, cúng dường tứ sự, chu cấp bổng lộc.

Có lần sư nhà Chu là Chu Hoàng Chánh đến thăm, đại thần nước Tề thỉnh sư tiếp sứ. Hoàng Chánh thường cậy tài coi thiên hạ chẳng ra gì, nhưng lúc gặp sư thì Chánh bỗng nhiên khiếp sợ, dứt tâm ngã mạn. Đến lúc về, Chánh còn xin được họa tượng Sư và xin những bộ kinh luận do sư trước tác đem về. Từ đó, vua càng rất kính trọng sư, tiến cử sư làm chức Tăng Thống thay cho Chiêu Huyền Thượng Thống.

Lúc nhà Chu hủy diệt Phật giáo. Sư ẩn cư trong Thái Hành sơn. Đến khi nhà Tùy tiếp nhận ngôi vua, ngay trong ngày đó sư liền xuống tóc, lấy tư cách Sa-môn yết kiến Văn Đế. Văn Đế vô cùng vui mừng liền hạ chiếu phục hưng Phật giáo.

Sau đó rất lâu, trời đại hạn, vua có chiếu chỉ mời sư dẫn chúng đến cầu mưa, nhưng chẳng có mưa. Vua hỏi lý do. Sư đáp:

- Sự do một hai.

Vua bèn sai Kinh Doãn Tô Thành đến hỏi ý chỉ một hai là thế nào.

Sư đáp:

- Bệ hạ tự thân chủ trương muôn việc trong nước, quần thần cũng phải tốn hao không biết bao nhiêu sức lực, tuy đó là việc trị nước chính đáng nhưng đều phạm sai lầm trong việc hoàng hóa đạo mầu. Muốn mưa nhưng chẳng có mưa, sự do một hai là thế.

Vua hiểu được ý sớ, bèn lệnh cho Quan Hữu ty chọn ngày rồi thiết lễ nghi trong điện, thỉnh sớ truyền trao tám giới. Quần thần lần lượt đến thọ giới xong, lúc ấy trời đang nắng nóng như thiêu đốt thì đột nhiên mưa to trút xuống. Vua vô cùng vui mừng. Từ đó mỗi lần sớ vào triều, vua đích thân bưng thức ăn vật thực cúng dường. Lúc lâm chung, Sớ dâng biểu từ giã và dặn dò vua phải làm người ngoại hộ. Vua khóc than rất bi thống. Ngày an táng, bá quan đều mặc đồ tang đến tiễn sớ. Nội sử Tiết Đạo Hành đọc văn tế. Đại khái nói:

“Gặp lúc pháp nạn, vận pháp điều tàn. Ngài ẩn tu trong thâm sơn, quyết không lộ diện. Ngồi cao lặc nhiều không làm ngài đổi chí, phép nước bạo tàn chẳng làm ngài khiếp sợ kinh hành ngồi thiền, mọi lúc chẳng hai. Giới đức, oai nghi trước sau như một. Thánh hoàng mở vận, Phật pháp hưng long, ngài là người siêu xuất trong Phật môn, đứng đầu trong Tăng chúng, được đế vương trọng vọng, kết duyên nghĩa thầy trò. Tam bảo đều do ngài hoàng hộ, Nhị đế cũng nhờ ngài xiển dương. Đó đủ thấy rằng ngài siêu việt hơn ĐỒ Trưng, La-thập; vượt hẳn xa Đạo An, Tuệ Viễn.

19. Truyện về Thích Nữ Trí Tiên: (Nhân Tý)

Thích nữ Trí Tiên vốn là con gái họ Lưu ở Hà Đông, Bồ Phán. Bà xuất gia từ nhỏ, là người giới hạnh tinh nghiêm. Lớn lên bà tinh thông thiên quán. Thời ấy, bà nói những việc lành, dữ, thành, bại không việc gì là không hiệu nghiệm. Bà ở tại chùa Bát-nhã. Gặp lúc Văn Đế sinh ra từ chùa này. Hồi ấy vào cuối hạ, trời nóng bức, nữ mẫu quạt cho ông, Văn Đế bỗng phát lạnh, cầm khẩu khóc không thành tiếng. Tả hữu đều thất kinh. Bà đến xem rồi nói:

- Đứa trẻ này được trời Phật che chở, các người chớ lo.

Rồi bà bồng Văn Đế lên và gọi:

- Na-la-diên! Từ đó mới đặt luôn tên tự cho ông là Na-la-diên rồi ẵm đến Thái tổ, bà nói:

- Đứa trẻ này là bậc phi thường, không nên ở trong nhà thế tục dơ tạp, tôi xin được nuôi dưỡng nó.

Thế Tổ bèn mở một lối đi từ nhà mình thông qua chùa rồi ủy thác cho bà nuôi nấng dạy dỗ Văn Đế. Sau đó, Hoàng tử đến bồng, bồng

thấy Văn Đế hóa thành con rồng Hoàng tử thất kinh thả ông rơi xuống đất. Trí Tiên thất kinh thét:

- Sao bà dám xúc phạm đến con ta, khiến nó có thiên hạ trẻ.

Khi Văn Đế trưởng thành, bà mật bảo ông:

- Sau này người sẽ đại quý, sẽ là người từ hướng Đông đến. Lúc ấy Phật pháp bị hủy diệt phải nhờ đến người mới được phục hưng.

Khi Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp. Trí Tiên trốn trong nhà, bên trong mặc pháp y, giới hạnh rất tinh tấn. Lúc ấy, Văn Đế quả nhiên từ Sơn Đông vào vương thất nhà Chu nối ngôi thiên tử chấn hưng Phật giáo. Nhưng Trí Tiên đã mất trước đó. Đứng trước quần thần, Văn Đế tôn xưng bà là A-xà-lê, và cảm nhận những gì bà nói hoàn toàn là sự thật. Văn Đế nói:

- Trẫm có được như ngày nay đều nhờ đến Phật pháp, nên bây giờ vẫn thích ăn rau dưa. Tiền thân của ta chắc chắn là đạo nhân thác sinh. Ta từ nhỏ đến lớn được giáo dục trong chùa, ngày nay vẫn còn thích nghe tiếng chuông tiếng mõ.

20. Luật sư Linh Tạng hộ giá:

Năm này, kinh kỳ bị hạn hán, vua dẫn dân đến xin ăn ở Lạc Châu. Trước kia Luật sư Linh Tạng vốn là bạn áo vải của vua, nay vua mời ngài hộ giá. Về sau học giả theo ngài tham học rất đông. Văn Đế biết, liền tự tay viết chiếu rằng:

“Đệ tử là thiên tử của thế tục, Luật sư là thiên tử của Đạo nhân. Nay đệ tử xả tục, mong thầy hóa độ”.

Từ đó ngài hóa độ muôn dân có đến mấy vạn. Khi ấy có người sàm tấu ngài. Văn Đế nói:

- Luật sư dạy người làm lành, đệ tử cấm người làm ác. Cách nói tuy khác nhau nhưng mục đích chỉ là một.

21. Lý Sĩ Khiêm ví dụ về thuyết báo ứng:

Năm này, Lý Sĩ Khiêm mất. Sĩ Khiêm tự là Ước, từ nhỏ mồ côi cha, thờ mẹ rất chí hiếu. Tộc trưởng của ông là Bá Dương mỗi lần gặp ông đều khen:

- Thằng nhỏ này là Nhan Tử của nhà ta.

Ông giỏi thiên văn, thuật số, vốn là con nhà mồ côi nhưng từ nhỏ chưa từng uống rượu ăn thịt. Cứ thế đến năm ba mươi tuổi, mẹ ông thường khuyên ông nên thôi, nhưng ông vẫn kiên quyết không bỏ. Có người cho ông tu kiểu âm đức. Sĩ Khiêm cười nói:

- Âm đức giống như tiếng kêu trong lỗ tai, chỉ tự mình biết được, người khác chẳng ai biết. Nay những việc của tôi làm, ông đều biết cả, vậy làm gì có âm đức.

Những lời lẽ ấy quả thật vô cùng khéo léo, mầu nhiệm. Có người nghi ngờ thuyết báo ứng của nhà Phật. Sĩ Khiêm bèn ví dụ rằng:

- Tích thiện thì an vui mãi mãi, tích ác thì vĩnh viễn bị tai ương. Đó lẽ đâu chẳng phải là bằng chứng nhằm chặn đứng lỗi lầm ư. Phật nói: “Luân hồi trong năm đường, không khi nào cùng tận”. Giả Nghị cũng nói: “Thiên biến vạn hóa chưa hẳn có điểm tận cùng”. Đến như ông Cồn hóa thành Hoàng Năng, Đổ Vũ hóa thành chim đỗ quyên, Bao Quân hóa thành rồng, Ngư Ai hóa thành cọp, quân tử hóa thành chim hộc, tiểu nhân hóa thành khỉ, Bành Sinh hóa thành heo, Trí Ý hóa thành chó, Hoàng mẫu hóa thành rùa, Tuyên Vũ hóa thành ba ba, Đặng Ngãi hóa thành trâu, Từ Bá hóa thành cá, Dương Hựu tiền thân là con của họ Lý. Đó là những bằng chứng về quả báo thay hình đổi dạng của nhà Phật.

Có người hỏi:

- Hình Tử Tài nói: “Trên đời có tùng, bách hóa thành cây xư cây lịch”. Ông nói xem đúng không?

Sĩ Khiêm nói:

- Đó không thuộc về biến hóa. Sự biến hóa đều do nghiệp do tâm, lẽ đâu liên quan đến cây cối.

Luận rằng:

“Bác sử sử quan như Tướng, Thảm... Ghi chép việc của Sĩ Khiêm rõ ràng như vậy, lẽ đâu đó không phải là tính cách của một con người mà trong lòng tín ngưỡng đức độ của Phật, thành thật với chính mình, không dám khinh chê hậu học đó ư.

Sĩ Khiêm dùng mặt trời, mặt trăng, tinh tú để so sánh Tam giáo. Mới nhìn dường như có hơn thua, thế nhưng chiếu sáng thế giới, vận chuyển sinh linh thì chỉ có một công dụng. Nếu thiếu một thì hai thứ còn lại không tồn tại được. Thế nên kinh dịch nói:

“Đạo trời biến hóa, đều hoàn thiện tính mệnh mà thôi”. Tài giỏi thay! Ông Lý. Ta thấy ông quả là người hiểu biết sâu xa về cội nguồn của tánh mạng”.

22. Tổ 2: Đại sư Tuệ Khả.

Sư thị tịch ngày mười sáu tháng ba niên hiệu Khai hoàng thứ mười ba. Sư sinh trưởng tại Hồ lao, thuở nhỏ đọc khắp sách sử, tinh thông lý

mẫu. Đến khi xem đến kinh Phật, Sư hốt nhiên tỉnh ngộ liền theo Thiên sư Hương Sơn Bảo Tĩnh ở Long Môn xuất gia và thọ giới Cụ túc. Năm bốn mươi tuổi, một hôm sư nhập định có vị thần bảo:

“Ông sắp chứng thánh quả, không nên ở mãi tại đây”.

Lát sau sư cảm thấy đầu mình đau như cắt, muốn đi tìm người chữa trị, bỗng nghe trong hư không có tiếng nói:

“Đây là hiện tượng đổi xương, rất đau”.

Sư bèn rời xem thì thấy đầu mình xương nổi cao như năm ngọn núi.

Người ấy lại nói:

“Thần đã giúp ông, ông có thể đi cầu đạo. Ta nghe nói gần đây có Đại sư Đạt-ma người Thiên Trúc đến Thiếu Lâm, ông nên đến đó mà nương tựa”.

Sư liền đến Thiếu Lâm và được tổ Đạt-ma truyền trao pháp ấn (việc tham học xin xem trong truyện của tổ Đạt-ma). Sau khi tổ quy tịch, Sư tiếp tục công việc hoằng hóa. Có lần sư đến Bắc Tề, gặp một cư sĩ, người ấy chẳng nói họ tên, lạy Sư rồi thưa:

- Đệ tử bị bệnh ghê lở, xin thầy sám hối tội lỗi giùm.

- Ông đem tội ra đây ta sám hối cho.

Cư sĩ đứng trơ một lúc lâu rồi thưa:

- Đệ tử tìm nhưng chẳng thấy tội.

- Vậy là ta đã sám hối cho ông rồi đó. Ông nên nương tựa Phật,

Pháp, Tăng mà an trụ.

- Hiện giờ con thấy thầy đã biết được Tăng rồi, chưa rõ thế nào là Phật pháp?

Sư nói:

- Tâm này là Phật, tâm này là Pháp. Phật pháp không hai, Tăng bảo cũng vậy.

Cư sĩ thưa:

- Hôm nay con mới biết tánh tội không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Tâm cũng như vậy. Phật pháp cũng chẳng hai.

Sư thấy ông là bậc pháp khí, liền cho xuống tóc, nói:

- Ông là vật báu của ta. Ta đặt tên cho ông là Tăng Xán.

Sau khi truyền thọ giới Cụ túc xong, Sư bảo Tăng Xán:

- Tổ sư Đạt-ma từ Thiên Trúc qua đây, đem chánh pháp nhãn tạng truyền trao cho ta. Nay ta truyền trao chánh pháp và tín y của Tổ sư cho ông, ông phải khéo trao truyền chớ để đoạn tuyệt.

Nghe ta nói kệ:

Xưa nay nhân có đất

*Nhờ đất giống hoa sinh
Xưa nay không có giống
Hoa cũng chẳng từng sinh.*

Sư nói tiếp:

- Sau khi nhận lãnh giáo pháp, ông nên ẩn cư trong núi sâu chưa thể hoàng hóa ngay được, sắp tới sẽ có quốc nạn.

Tăng Xán thưa:

- Thầy đã biết trước như vậy, cúi xin thầy Từ bi chỉ dạy.

Sư nói:

- Xưa Tổ Đạt-ma truyền cho Bát-nhã-đa-la bài sám ký rằng: “Trong tâm tuy lành nhưng ngoài đầu thì dữ”. Ta tính về niên đại, nhằm đúng lúc của ông, ông phải xét kỹ lời ấy, chớ vướng vào nạn đời. Ta cũng còn nợ đời trước, nay phải đi trả đây!

Sư đến Nghiệp đô tùy nghi hoàng hóa suốt ba mươi bốn năm. Sau đó sư trà trộn trong đám thế tục. Có lúc sư đi ngang lò mổ, có khi vào thẳng quán rượu. Có người thấy lạ hỏi, Sư đáp:

- Ta tự điều phục tâm mình, dính dáng gì đến việc của ông.

Sau cùng Sư vào chùa Khuông Cừu trong huyện Quảng Thành, ở trước tam quan diễn nói đạo vô thượng, người nghe đông nghịt. Lúc ấy có Pháp sư Biện Hòa đang giảng kinh Niết-bàn ở trong chùa, người học nghe sư giảng từ từ đi hết ra nghe. Hòa thấy vậy nổi giận liền đi cáo gian với ấp tể Địch Trọng Khản. Khản tin là thật bèn ghép sư vào tội phi pháp, nhưng Sư vẫn vui vẻ thừa nhận. Lúc đó sư đã một trăm lẻ bảy tuổi. Những người hiểu biết đạo lý đều cho rằng Sư trả nợ đời trước. Môn đồ đem di thể Sư về an táng ở Từ Châu cách huyện Cam bảy mươi dặm về phía Đông bắc. Đường Đức Tông truy phong sư thụy là Đại Tổ Thiên Sư.

23. Thiên sư Trí Giả của tông Thiên Thai: (Đình Ty)

Sư thị tịch ngày hai mươi bốn tháng mười một năm Khai Hoàng thứ mười bảy. Sư họ Trần, là con thứ ba của Lương Tấn Kỵ Ích Dương Công Trần Khởi. Sư húy là Trí Khải tự là Đức An, sinh trưởng ở Dĩnh Xuyên. Khi nhà Tấn dời đô, Sư cư ngụ tại huyện Hoa Dung, Kinh Châu. Mẹ sư họ Từ, một hôm bà nằm mộng thấy luồng khói hương năm màu chui vào bụng mình. Bà lấy tay xua đi chợt nghe có tiếng người nói: “Đời trước có nhân duyên nên mới thác sinh vào nhà vương giả, phước đức tự đến, sao lại xua đi”. Từ đó bà mang thai.

Đêm Sư chào đời, trong nhà sáng rực. Nhiều đêm như vậy ánh

sáng ấy mới hết. Nhớ lại điềm linh trước đây, bà gọi Sư là Vương Đạo. Khi nằm thì Sư chấp tay, ngồi thì day mặt về hướng Tây. Đến lúc trưởng thành Sư chưa từng ăn mặn, hề gặp tượng Phật thì Sư cung kính lễ lạy, gặp Tăng thì chấp tay cung kính. Lên bảy tuổi, Sư thích đến chùa, chữ Tăng nghi ngờ tức nhân của Sư bèn đọc thử cho sư nghe phẩm Phổ Môn. Chỉ nghe qua Sư liền thuộc lòng. Cha mẹ Sư thấy vậy ngăn lại không cho đọc nữa. Trưởng thành Sư làm quan dưới triều Lương, Thừa Thánh năm đầu Sư từ quan, đi khắp vùng núi sông phía Bắc, sống với một người cậu họ để tìm cầu minh sư. Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia với Pháp sư Pháp Tự tại chùa Quả Nguyện thuộc Tương Châu và thọ mười giới. Thế rồi Sư vẫn đi tiếp về Bắc đến tham học với Luật sư Tuệ Khoáng. Sư đi khắp vùng phía Bắc mong tìm cầu được người chỉ dạy. Sư lại đến tham học với Thiền sư Nam Nhạc ở Đại Tô sơn thuộc Quảng Châu và được truyền cho pháp môn tâm quán. Sư bèn ở lại phía Bắc núi này tu tập Pháp Hoa Tam-muội. Chỉ mới ba đêm, Sư tụng đến câu: “Tâm nương khổ hạnh đó mới là chân tinh tấn” trong phẩm Được Vương thì hốt nhiên giải ngộ. Sư thấy trước đây mình đã từng cùng Thiền sư Tuệ Tư lên Tịnh độ bảy báu trên núi Linh thú cùng nghe Phật thuyết pháp. Thiền sư Tuệ Tư ẩn chứng chỗ giải ngộ của Sư. Có lần Tuệ Tư mời Sư giảng thay mình. Tuệ Tư ngồi dưới pháp tòa nghe Sư giảng, và nói với học chúng:

“Người ấy là đứa con nuôi trong số học trò của ta, chỉ tiếc rằng định lực còn thiếu”.

Từ đó, thầy trò diễn giảng, thanh danh vang khắp. Học xong, Sư từ biệt Tuệ Tư. Tư nói:

- Ông có duyên với nước Trần, đến đó tất có lợi ích. Sau khi Thiền sư Tuệ Tư vào Nam Nhạc, Sư liền đến Kim Lăng hoàng hóa khắp nước Trần. Nói năng im lặng sư đều nhớ đến chốn thâm sơn. Một đêm Sư mộng thấy muôn lớp mây cao bỗng đứng giữa ban ngày buông đầy xuống núi, bên cạnh lại thấy biển cả chẳng có bờ bến. Sư thấy một vị Tăng đắp y hở vai phải, vẫy Sư lên núi. Sư đem điềm mộng hỏi mọi người họ đều nói:

- Đó là núi Thiên Thai.

Nhân đó Sư bèn đi về phía Nam ẩn cư trong núi này. Trần thiếu chủ xuống chiếu thỉnh Sư vào triều. Đến lần thứ bảy Sư mới vào kinh đô. Trần thiếu chủ đón Sư vào Đông đường trong điện Thái Cực giảng Trí Độ luận. Đến khi Kim Lăng thất thủ, Sư chống tích đến Kinh tương, bấy giờ vào niên hiệu Đại Nghiệp. Tổng Trấn Hoài, Hải nghe Sư là

người đức hạnh muốn theo sư thọ học. Tổng trấn nhiều lần gửi thư mời, ban đầu Sư nói mình đức kém, lần thứ hai Sư nhường cho các bậc danh Tăng, cuối cùng Sư tiến cử bạn đồng học của mình. Ba lần chối từ nhưng không được, nên vào ngày hai mươi ba tháng mười một năm Khai Hoàng mười một, Sư thiết hội thỉnh một ngàn vị Tăng đến Dương Châu truyền giới cho vua. Sau đó không lâu, vua về triều, Sư trở lại Thiên Thai, dẫn chúng tu tập Quang Minh sám. Sư nguyện:

“Nếu con là người làm lợi ích cho Tam bảo thì xin sống hết năm nay, nếu chẳng làm lợi ích cho Phật pháp thì xin chết ngay bây giờ.

Sau đó không lâu, Sư bảo chúng:

- Ta sẽ mất ở đây.

Rồi Sư dặn dò:

- Các người nên tĩnh lặng, ta đi đây.

Nói xong Sư ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch trước tượng Phật trong Thiên Thai, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi. Chương An là người đệ tử được Sư thân truyền giới pháp.

24. Nhà vua xuống chiếu cho ba mươi châu dựng tháp:

Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Nhân Thọ.

Khi Văn Đế chưa lên ngôi có gặp một Phạm tăng trao cho ông một gói xá-lợi và nói:

- Thí chủ sau này sẽ làm cha lành khắp thiên hạ. Đây là linh cốt của bậc Đại Giác, ông nên giữ mà cúng dường.

Nói xong vị Tăng đi mất. Văn Đế tìm hoài nhưng chẳng biết ngài ở đâu. Sau khi lên ngôi, có lần vua cùng Pháp sư Đàm Thiên mỗi người đặt xá-lợi trong bàn tay và đếm, nhưng lúc thì nhiều lúc thì ít, rốt cuộc chẳng biết chính xác là bao nhiêu. Thiên nói:

- Pháp thân chư Phật vượt ngoài số lượng, thế gian không thể biết được.

Vua nghe vậy bèn đóng một cái rương bằng thất bảo rồi cất giữ xá-lợi. Đến khi đất nước thái bình, vua nhớ lại việc này, liền xuống chiếu khắp ba mươi châu, mỗi châu dựng một bảo tháp.

Ngày mười ba tháng sáu năm này, vua xuống chiếu nói:

“Ngưỡng mong bậc Chánh giác đại Từ, đại Bi cứu hộ chúng sinh, tế độ hàm thức. Trẫm quy y Tam bảo, trùng hưng Thánh giáo, nguyện cùng tất cả nhân dân trong nước đều phát tâm Bồ-đề, cùng tu phước thiện, khiến cho con đời này và mãi về sau luôn trồng nhân lành, cùng lên diệu quả.

Nay thỉnh ba mươi Sa-môn thông suốt Phật lý, đồng thời là người có khả năng giáo hóa, mỗi vị dẫn theo hai thị giả. Quan lại mỗi người đốt một trăm hai mươi nén hương thơm chia nhau đưa xá-lợi đến ba mươi châu trước để dựng tháp. Mỗi châu cử ra ba trăm sáu mươi vị Tăng, hãy vì trăm cùng Hoàng Thái tử, Hậu phi, chư vương, công khanh đại thần, muôn dân mà sám hối. Trên chiến trường nơi tiếp giáp giữa các châu hãy dựng chùa và hành đạo trong bảy ngày, kêu gọi muôn dân bố thí, nhiều nhất là mười tiền mà thôi. Số tiền thu được dùng để dựng tháp. Nếu thiếu không bắt họ nộp mà phải lấy trong quốc khố. Tăng Ni trong các châu quận khác hãy thiết trai hội để cúng dường xá-lợi, đến giờ Ngọ ngày rằm tháng mười thì nhất loạt an trí xá-lợi. Tổng quản Thứ sử cho đến Huyện úy hãy nghỉ việc quân cơ trong bảy ngày để trông coi việc hành đạo, cốt phải hết lòng cung kính. Hãy cố gắng thay trăm làm việc”.

Ngày hôm đó, vua phân xá-lợi thành ba mươi bình rồi đặt trước ngự tòa cùng chư Sa-môn đốt hương lễ bái. Vua nguyện:

“Đệ tử nguyện luôn luôn lấy chánh pháp hộ trì Tam bảo, cứu độ tất cả chúng sinh”.

Vua dùng ba mươi chiếc bình vàng đặt trong ba mươi bình lưu ly rồi an trí xá-lợi trong ấy, dùng hương thơm nhồi thành keo bọc kín bên ngoài, mỗi Sa-môn bưng một bình. Khi vào địa phận các châu, Tổng quản, Thứ sử dẫn người ra đón rước. Bốn chúng uy nghi vô cùng thành kính. Họ dùng bảo cái, tràng phan, đài hoa, xe chở tượng trưng Phật, hương tháp, hương bình cùng vô số âm nhạc khác đồng đến cúng dường, kính hành, tụng kinh, giống như cách thức an trí xá-lợi tại thành Câu-thi-na trong kinh A-hàm. Bấy giờ, đứng trước bốn bộ chúng, Sa-môn xướng:

- Bạc Chí tôn dùng tâm từ vô lượng vô biên của Bồ-tát, thương xót chúng sinh như cốt nhục, nên phân bố xá-lợi để thiên hạ cùng trông nhân lành. Ngài lại dùng vô số phương tiện dạy dỗ, quở trách, thống thiết dẫn dắt chúng sinh.

Ai nấy đều rơi nước mắt vì cảm kính ân Phật, sau đó cùng đọc lời văn sám hối, và đem xá-lợi nhập tháp. Sa-môn dâng cao bình báu đi quanh để mọi người xem. Mọi người đều chăm chú nhìn kỹ khi thấy xá-lợi tỏa sáng. Họ quyến luyến, gào khóc, âm thanh chấn động khắp vùng. Những nơi được an trí xá-lợi đều, có cảnh tượng như vậy.

Giờ ngọ ngày rằm tháng mười, tại đại diện trong cung Đại Hưng vua đứng quay mặt về Tây, tay cầm ngọc khuê để cung đón Phật tượng

cùng ba trăm sáu mươi Sa-môn. Tràng phan, bảo cái, hương hoa, tụng kinh, trỗi nhạc được bày biện từ chùa Đại Hưng Thiện vào đến điện đường. Vua đốt hương lễ lạy và ngự ở Đông đường, hương dẫn bá quan văn võ ăn chay, trai giới. Đến khi xá-lợi nhập tháp xong. Vua nói:

- Phật pháp đã trùng hưng, tất có điềm linh ứng hiện.

Sau đó khắp nơi đều dâng biểu tâu về những điềm lành xuất hiện. (Xin xem xá-lợi Cảm Ứng Ký của Vương Thiệu)

Quý Hợi: Năm thứ ba, Văn Trung Tử Vương Thông dù đã được làm quan nhưng vẫn tiếc vì tài tế thế của mình không ai biết đến. Ông bèn vào Trường An yết kiến Văn Đế tại điện Thái Cực, nhân đó tâu vua mười hai kế sách khiến thiên hạ thái bình. Nội dung đế cao vương đạo, suy tôn nghiệp bá, dẫn việc xưa nghiệm chứng việc nay. Mệnh trời rộng lớn chỉ nằm trong bàn tay. Vua vô cùng vui mừng nói:

- Gặp ông dù hơi muộn, nhưng thiên hạ đã đem ông ban cho ta.

Vua xuống chiếu cùng công khanh bàn bạc, nhưng công khanh đều không vui. Lúc ấy lại có mối loạn của Tiêu Tường, nên kế sách của Vương Thông rốt cuộc không được dùng. Thông bèn làm bài ca Đông chinh rồi quay về. Ông tiếp tục đọc thi, thư, chỉnh lễ nhạc sửa Cửu kinh, tán thán Dịch đạo. Trong chín năm, Lục kinh đều hoàn bị. Môn nhân, học giả từ xa lặn lội đến cầu học, như: Đổng Thưởng ở Hà Nam, Diệu Nghĩa ở Thái Sơn, Hải ở Kinh Triệu, Lý Tĩnh ở Triệu Quận, Trình Nguyên ở Nam Dương, Đậu Uy ở Phù Phong, Tiết Thâu ở Hà đông, Giả Quỳnh ở Trung Sơn, Phong Nguyên Linh ở Thanh Hà, Ngụy Trưng ở Cự Lộc, Vương Khuê, Ôn Ngạn Bác ở Thái Nguyên, Trần Thúc Đạt ở Dĩnh Xuyên... đều tôn ông làm thầy. Ngoài ra còn có hơn ngàn người đến cầu học. Ông vẫn trung thành phò tá vua. Trong niên hiệu Đại Nghiệp, ông bày tỏ kế sách của mình nhưng không thành. Năm thứ mười ba ông ngã bệnh. Nghe Giang Đô có loạn, ông ứa nước mắt than: “Muôn dân chán ghét, mầm loạn có từ lâu rồi. Trời ắt cử người đến thay đổi vận mệnh Nghiêu Thuấn. Ta chẳng còn được được phục mệnh nữa”. Nói xong, ông mất. Môn nhân truy tặng cho ông thụy là Văn Trung Tử.

Có lần ông cùng môn nhân bàn về luận ngữ. Đến Thiên Chu Công, ông nói:

- Thi, thư hưng thịnh nhưng đời Tần bị diệt vong, đó không phải là lỗi của Khổng Tử. Huyền, Hư vững bền nhưng Tấn thất có loạn, đó không phải lỗi của Lão Trang. Trai giới cùng tu nhưng nhà Lương mất nước, đó không phải lỗi của Thích-ca.

Kinh Dịch chẳng nói: “Nếu chẳng phải là những kẻ ấy thì đạo

không đến nổi hờ hững như vậy” đó sao!

Hoặc hỏi đến Phật, thì ông đáp:

- Thánh nhân.

Hỏi giáo pháp thế nào?

Ông đáp:

- Giáo pháp của phương Tây, người Trung Quốc thì cố chấp.

Ông nói tiếp:

- Hãy xem Đế vương thế nào rồi mới luận nghị. Tam giáo chỉ là một mà thôi.

25. Văn Trung Tử giảng đạo:

Văn Trung Tử giảng đạo trong hang núi Bạch Ngộ, đệ tử ông xếp thành hàng tay cầm sách, đứng quay mặt về hướng Bắc. Giảng xong, họ trình cho ông rồi lui ra ngồi tư duy dưới gốc tùng. Khi giảng đến Chu Dịch. Tiết Thâu than:

“Chẳng bằng họ Phục Hy, thì ngôn từ nhiều mà làm gì.

Lúc ấy, có một người vai vác cỏ linh thơ thối đi ngang, bèn dừng lại hỏi Thâu:

- Ông than cái gì thế?

Tiết Thâu đáp:

- Ông là ai mà hỏi ta than?

Người ấy nói:

- Chu sa có màu đỏ, đổ mực vào thì thành đen, cứ thế lần hồi sẽ được. Nay cái mà ông tôn thờ là Đạo, nhưng ông vẫn than đó là vì lục phủ ngũ tạng của ông không tiếp nhận được. Đó là điều mà ta muốn hỏi.

Thâu nói:

- Thâu này nghe thầy dạy rằng: “Dịch là lý nhiệm mầu của Đạo. Phục Hy họa ra Bát quái rồi Văn vương làm cho rườì thêm, không chịu bỏ bớt văn từ. Sở dĩ tôi than là thế.

Người ấy nói:

- Văn vương có lỗi gì mà người có lỗi nặng chính là Phục Hy. Xưa kia, Phục Hy chưa họa ra Bát quái lẽ đâu tam tài (thiên, địa, nhân) không tồn tại, tứ tự (bốn mùa) không vận hành, trăm vật không sinh sôi, vạn tượng không sum xuê ư. Như vậy cần gì miệt mài họa vẽ vô ích như vậy. Họ Phục Hy đã tiết lộ bí mật của Đạo, làm lộ thần cơ, chia chẻ thái hòa, phan phui tiên khí, khiến kẻ trí trong thiên hạ đối đạo làm càn. Thế mà còn tự cho mình là người giỏi bàn về vạn tượng, biết rõ vật tình

âm dương giao thoa, gần xa hút chặt, dựng lập những thuyết cương nhu, dị đồng, làm kinh hãi kẻ có chí. Bấy giờ kẻ trí đã không biết mà còn làm cho tan hoại. Mầm loạn đó bắt nguồn từ Phục Hy, sao ông lại cật lực ta thán Văn vương?

Người ấy nói xong vác cỏ linh đi mất. Thâu chạy theo hỏi họ tên, quê quán, người ấy không trả lời. Văn Trung Tử biết chuyện nói:

- Ông ấy là kẻ ở ẩn!

Trong Thạch Thất Luận nói:

- Tống Tư Mã Văn Chánh Công nói: “Văn Trung Tử bảo Phật là Thánh nhân, cứ xét kỹ lời ông ấy thì tâm của Phật có thể thấy được. Như nay nói đến thiên, phần nhiều là ẩn ngữ để làm người hiểu lầm, rồi vọng ngữ nói càn, khiến cho người học mịt mờ, ngày càng có nhiều người lầm lạc. Do đó tôi giảng rộng ý của Trung Tử để giải thích sáu bài tụng của Thiên. Nếu đúng như lời này thì dù Trung Quốc vẫn thực hành được, bằng không thì đó là điều mà tôi không biết”.

Cuối chương này nói:

“Ngôn ngữ là thầy của trăm đời, đạo hạnh là mực thước của thiên hạ. Nếu là người tài giỏi, là Thánh nhân thì họ được gọi là Phật, Bồ-tát”.

Ôi! Văn Chánh Công quả là bậc đại hiền tiếp nối mối đạo của Khổng, Mạnh, Tuân, Dương, lẽ đâu ông ấy lại không am tường về Phật chẳng. Xem bài tụng thì biết được những điều ông làm lúc bình sinh. Đó đều là tâm Phật, Bồ-tát.

Chỉ một tông thiên, dù bọn ta cũng đề cao cho rằng đó là giáo ngoại biệt truyền, nhưng nếu không phải tự mình mất sáu mươi năm dứt tâm đoạn ý thì vẫn không thể thấu suốt được tông chỉ. Cứ bảo rằng Thiên là ẩn ngữ, là tuyệt ngôn, mới nghe dường như đúng nhưng kỳ thật chẳng đúng. Như vậy, hèn gì Đông Cao Tử cho Phục Hy họa ra Bát quái là đã tiết lộ bí mật của Đạo, làm lộ thần cơ, chia chẻ thái hòa, phan phui tiên khí, khiến kẻ trí đã không biết, còn làm cho bại hoại.

Dẫn tông thiên bất lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, ngay nơi lời nói mà thấy được mặt mũi, hình hài, điều đó lẽ đâu có thể thường nêu nghĩa lý rồi tìm cầu được ngôn thuyết chẳng. Không chỉ riêng Văn Chánh Công hay bậc hiền tài như Văn Trung Tử, Dương Tử, Mạnh Tử chưa từng để tâm, mà hàng tiền bối truyền giáo của chúng ta chắc chắn cũng có người không hiểu rồi đâm ra phỉ báng. Thế nên Tiên đức nói:

“Trong ngàn vạn người may ra chỉ được một người, nửa người mà thôi.”

Đủ thấy đó là điều không phải dễ tin.

26. Xà-na-quật-đa dịch kinh Pháp Hoa:

Tôn giả Xà-na-quật-đa là người Thiên Trúc. Và thời Văn Đế, ngài đến Trường An, ở tại chùa Đại Hưng Thiện. Ngài phụng chiếu dịch các kinh như Pháp Hoa... và thị tịch trong năm này.

27. Vua hạ chiếu thăm hỏi Thiền sư Hồng Sơn Trí Thuần:

Nhân thọ năm đầu, vua hạ chiếu:

“Hoàng đế kính thăm Thiền sư Hồng Sơn Nam Cốc Trí Thuần. Mùa đông rất lạnh, ngài an ổn chăng? Mong ngài gắng cứu sinh linh, thành tựu đạo quả, duy trì nguyện lực. Trẫm thật vui mừng. Nay sai khai phủ Lư Nguyên Thọ truyền ý của trẫm, xin thỉnh Thiền sư vào triều”.

Ngài lấy cơ bệnh không đi. Hồi ấy, ngài theo Thiền sư Tăng Trù xuất gia và tu thiền định. Những lúc vọng niệm nổi lên ngài dùng kim đâm vào đùi để cho tỉnh. Vì vậy vọng trần không khởi, đến nỗi bất đắc dĩ lắm ngài mới mở miệng nói, nhưng không ngoài giới, định, tuệ. Cứ thế trải hơn mười năm, Tăng Trù lấy làm lạ hỏi:

- Lẽ đâu ông không để tâm đến việc lợi tha chẳng? Từ nay về sau ông có thể luận bàn về đạo được rồi.

Sau đó ngài từ già Tăng Trù vào ẩn trong Tán Hoàng sơn. Thí chủ đem vật thực đến cúng dường, ngài từ chối chẳng nhận thứ gì. Có người hỏi nguyên do. Ngài nói:

- Rau quả trong núi cũng đủ đỡ đói rồi, đâu cần phải làm phiền người ta.

Ngài sống giản dị đến như thế.

Thấy người ăn thịt, ngài thống thiết dạy:

- Thân mạng khác nhau trong sáu đường ông chưa từng biết đến. Tất cả chúng sinh có thân mạng đều là cha mẹ ông, tất cả chúng sinh đều là tiền thân của ông. Nay ông ăn thịt họ, chính là ăn thịt cha mẹ mình, vậy mà ông cũng nhẫn tâm ăn được sao.

Người ấy nghe xong khiếp sợ bưng lỉnh, không ăn thịt nữa.

28. Dạng Đế:

* Giáp Tý năm mười lăm: Vua hạ chiếu thưởng phạt công minh, rồi nhường ngôi cho Thái tử Quảng. Vua bệnh, Dương Sách sai Trương Hành vào hầu hạ. Vua bệnh nặng mất, Thái tử lên ngôi. Bấy giờ nhân khẩu trong thiên hạ là tám triệu chín trăm ngàn người.

Ất Sửu: Dạng Đế, tên là Quảng. Thuở nhỏ có tự là A Lũ, là con thứ của Cao Tổ. Ông soạn ngôi ở cung Nhân Thọ. Ban đầu ông dùng

chánh trị cai quản muôn dân, về sau đến xây Đông kinh ở Lạc Dương, phát động mấy trăm vạn nhân công ở Hà Nam khai sông ngòi đến tận sông Hoài, sông Tứ để dạo chơi bằng thuyền rồng. Sau đó khai thông đến Giang đô. Bấy giờ dân không tuân lệnh trộm cướp nổi lên khắp nơi, đất đai mất dần, cuối cùng ông bị Vũ Văn giết, thọ năm mươi chín tuổi.

29. Vua xuống chiếu buộc Tăng, Đạo lạy vua, Pháp sư Minh Chiêm biện luận, vua liền bãi lệnh.

Mùa đông năm này, Dạng Đế tuần thú đến Nam giao xuống chiếu buộc Tăng, Đạo lạy vua như những người thế tục khác. Đạo gia chẳng ai dám phản đối, riêng Sa-môn không tuân theo chiếu chỉ. Vua bèn hỏi:

- Chiếu chỉ nói rõ, các Khanh cố ý không tuân thánh chỉ là tại sao?

Lúc ấy Pháp sư Minh Chiêm thưa:

- Nếu bệ hạ theo lệnh chế mà bãi bỏ đạo, thì kẻ hèn này dám không tuân lệnh. Còn như biết tôn sùng Đại pháp thì Tăng sĩ khoác pháp y không lễ lạy người thế tục.

Vua hỏi:

- Thế tại sao Tăng lạy Chu Vũ Đế?

Chiêm đáp:

- Chu Vũ Đế cậy quyền thế, bạo ngược, không ban bố ân đức. Ông ấy không đáng để người khác học theo. Bệ hạ dùng chánh trị sáng suốt, duy trì nhân từ, không bắt oan kẻ vô tội, thế nên bản đạo mới được bày tỏ hết lòng trung của mình.

Vua im lặng, rồi cho bãi triều. Quan Hữu ty cho rằng Chiêm chống lại vua, muốn ghép tội ngài, ngài nói:

- Người đắc tội chỉ một mình tôi. Xin chớ dùng luật phi pháp bắt tội đồ chúng của tôi.

Vua thấy ngài chẳng sợ chết nên không bắt tội cũng không hỏi nữa. Từ đó cũng không còn ai bàn luận việc Tăng phải lạy vua.

30. Tổ 3: Đại sư Tăng Xán. (Bính Dần)

Đại sư Tăng Xán thị tịch trong năm này, không ai biết tên tuổi, quê quán của Sư (có thuyết nói Sư ở Từ Châu). Chỉ biết hồi ấy Sư vốn là cư sĩ đến yết kiến Nhị tổ và được Tổ truyền pháp.

Khi Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp, Sư thường qua lại núi Tư không ở hơn mười năm mà chẳng ai biết.

Đời Tùy, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai có Sa-di Đạo Tín đến lễ sư rồi thưa:

- Xi Hòa thượng đại Từ ban cho con pháp môn giải thoát.

Sư hỏi:

- Ai trói buộc ông?

Tín thưa:

- Chẳng ai trói cả.

Sư nói:

- Vậy cầu giải thoát làm gì?

Đạo Tín nhân đó liền đại ngộ, ở lại hầu hạ sư suốt chín năm. Sau khi truyền thọ giới Cụ túc sư nhiều lần chứng nghiệm, biết Đạo Tín đã đạt được lý huyền, cơ duyên đã thuận thực. Sư liền truyền y và nói kệ:

*Giống hoa tuy nhờ đất
Từ đất giống hoa sinh
Nếu không người gieo giống
Hoa đất trợn không sinh.*

Sư truyền pháp y rồi nói:

- Ta gặp ông, việc nên làm đã làm xong.

Sư vượt sông qua núi La Phù về lại Từ Châu. Dân chúng thấy sư về rất vui mừng đua nhau đến cúng dường. Sư thuyết pháp cho bốn chúng xong đứng ngay dưới đại thọ trong pháp hội an nhiên thị tịch, hôm ấy là ngày mười lăm tháng mười. Đường Huyền Tông ban tặng Sư thụy là Giám Trí Thiên Sư.

Sư trước tác bài Tín Tâm Minh. Trong ấy nói:

*Đạo lớn không khó
Cốt đừng chọn lựa
Hễ không thương ghét
Tự nhiên sáng ngời
Sai nửa đường tơ
Đất trời liền cách
Muốn được trước mắt
Chớ còn thuận nghịch
Phải trái chống nhau
Đó là tâm bệnh
Chẳng biết mối huyền
Lo sông niêm tịnh
Tròn như thái hư
Không thiếu không dư*

Bởi lo giữ bỏ
Nên chẳng như như
Chớ đuổi hữu duyên
Đừng trụ không nhẫn
Một mực bình tâm
Tự nhiên dứt sạch
Ngăn động cầu tịnh
Ngăn lại động thêm
Ngưng trệ nhị biên
Sao biết nhất chủng
Nhất chủng chẳng thông
Hai bên uống công
Theo có mất có
Theo không đều không
Nói nhiều nghĩ nhiều
Trọn chẳng tương ưng
Hết nghĩ hết lo
Thông suốt hết thảy
Về nguồn nắm mối
Theo bóng hoài công
Phút giây soi ngược
Liên vượt cảnh không
Cảnh không biến chuyển
Đều do vọng kiến Chẳng
cần cầu chân Chỉ dứt sơ
kiến
Chẳng trụ nhị kiến
Cẩn thận chớ tìm
Liên mất thị phi
Rối bời mất tâm
Hai do một có
Một cũng chẳng chấp
Một tâm chẳng sinh
Muôn pháp chẳng quý
Không quý không pháp
Chẳng sinh chẳng tâm
Tâm theo cảnh diệt
Cảnh theo tâm mất

Tâm do cảnh có
Cảnh do tâm sinh
Muốn biết hai đầu
Chỉ là một không
Một không đồng hai
Bao hàm vạn tượng
Chẳng thấy tinh thô
Sao lại sai lệch
Đạo lớn thể rộng
Chẳng dễ chẳng khó
Thấy cạn nghi ngờ
Chạy theo nhanh chậm
Chấp thì thiên lệch
Tất vào đường tà
Tự nhiên buông bỏ
Thể không trụ chuyển
Theo tánh hợp đạo
Tự tại dứt phiền
Nghĩ nhiều trái chân
Chìm trong mê ảo
Mê ảo nhọc tâm
Đâu cần thân sơ
Muốn chứng nhất thừa
Chớ chê sáu trần
Sáu trần chẳng xấu
Cùng đồng chánh giác
Kẻ trí vô vi
Người ngu tự trói
Pháp chẳng khác pháp
Lâm sinh ái chấp
Đem tâm cầu tâm
Chẳng làm to ư
Mê sinh động tĩnh
Ngộ không xấu tốt
Tất cả nhị biên
Đều do đối đãi
Huyễn mộng hoa đốm
Đuổi bắt uổng công

Được mất phải trái
Đồng thời buông bỏ
Mất không mê ngủ
Muôn mộng tự mất
Tâm chẳng nghiêng lệch
Muôn pháp nhất như
Như như nhiệm mầu Bản
bất quên duyên Cùng
quán muôn duyên Lại về
tự nhiên
Dứt sạch duyên do
Chẳng thể so sánh
Ngăn động không động
Động hết chẳng dừng
Hai đã không thành
Một làm sao có
Rốt ráo cùng cực
Chẳng còn quĩ tắc
Hợp tâm bình đẳng
Việc làm đều dứt
Mối nghi đều tịnh
Chánh tín thẳng ngay
Chẳng giữ tất cả
Chẳng còn ghi nhớ
Sáng sạch tự nhiên
Chẳng nhọc tâm sức
Đâu thể suy lường
Trí thức khó biết
Chân như pháp giới
Không tự không tha
Phải tương ứng ngay
Vốn là chẳng hai
Chẳng hai đều đồng
Bao dung hết cả
Người trí mười phương
Cùng vào tông này
Tông chẳng nhanh chậm
Một niệm vạn năm

Chẳng hề tồn tại
 Mười phương trước mắt
 Cực nhỏ bằng lớn
 Dứt sạch cảnh giới
 Cực lớn bằng nhỏ
 Chẳng có biên tế
 Có tức là không
 Không tức là có
 Nếu chẳng được vậy
 Quyết không nên giữ
 Một là tất cả
 Tất cả là một
 Chỉ cần như vậy
 Lo gì chẳng xong
 Tín tâm chẳng hai
 Chẳng hai tín tâm
 Nói năng dứt hết
 Chẳng phải quá khứ
 Hiện tại vị lai.

31. Dương Hoàng thống lãnh Đạo sĩ, danh Tăng nghị luận đạo pháp: (Đình Mão)

Thử Bình Lệnh Dương Hoàng thống lãnh đạo sĩ, danh Nho cùng đến chùa Trí Tạng mở hội luận bàn đạo lý. Hoàng mời Pháp sư Tuệ Tĩnh cùng nghị luận với Đạo sĩ Dư Vĩnh Thông. Vĩnh Thông muốn lập luận trước, nhưng Tuệ Tĩnh nói:

- Đạo lưu vào chùa, phải phân chủ khách, ông làm sao lập luận trước được?

Rồi Tuệ Tĩnh bèn hỏi:

- Lão tử nói: “Có một vật do nhiều thứ hỗn tạp kết thành sinh trước trời đất, ta chẳng biết tên nó, bèn gọi nó là đạo. Như vậy thể của Đạo là một cho nên hỗn tạp hay thể của đạo là nhiều mà hỗn tạp? Nếu thể là một nên hỗn tạp thì ngay lúc hỗn tạp ấy đã thành một. Vậy thì một đó chẳng phải do Đạo sinh ra. Nếu thể là khác nên hỗn tạp thì ngay lúc chưa hỗn tạp bản thân nó đã thành hai rồi, vậy hai này chẳng phải do một khởi ra. Ông thấy thế nào?”

Vĩnh Thông mờ mịt chẳng biết đối đáp thế nào, đành im lặng ra về.

Ất Hợi: Dạng Đế vô cùng xa xỉ, cưỡi thuyền rồng, bướm gấm, men theo sông Biện xuống tận Dương Châu. Chư hầu khắp nơi nổi lên xưng vương, mặc tình hùng cứ, cả thủy đến năm mươi hai nơi. Thái nguyên Đường Công Lý Uyên liền đem nghĩa binh đến Dương Châu cứu giá.

Giáp Tý: Đường sư đến Giang Đô, vua võ bàn ngọc khen: “Quả là có kỳ tướng! Quả là có kỳ tài! Tháng mười một Đường sư vào kinh. Vua lên làm Thái thượng hoàng, lập vương Hựu lên ngôi, tiếp nối vương nghiệp nhà Tùy.

32. Cung Đế:

Cung Đế tên là Hựu, cháu của Dạng Đế, con của Thái tử Nguyên Đức, mười ba tuổi lên ngôi, dùng Đường Công làm tướng văn, sau phong làm Đường vương. Tháng năm năm sau, nhường ngôi cho nhà Đường. Vua Đường phong ông là Cảo quốc công. Ông mất năm Vũ Đức thứ hai, thọ mười lăm tuổi, trị vì được hai năm.

Đinh Sửu: Đổi niên hiệu là Nghĩa Ninh, vua ở Đinh đô, ngày càng bạo ngược. Vũ Văn Hóa cùng bọn sĩ tốt đầu hàng ban đêm lén vào cung giết Cung Đế cùng mọi người trong tông thất.

33. Truyện về Thân tăng Pháp Hỷ:

Tướng mạo sư như người quê kệch, khoảng hơn bốn mươi tuổi. Hồi ấy các bô lão đều nói: “Hồi trẻ bọn ta đã từng gặp ông ấy”.

Sư nói những việc trong thời Tấn Tống chính xác vanh vách, lại nói mình đã từng ngao du với Đại sư Tuệ Viễn ở Đông Lâm. Sư nói năng rất dị thường toàn là những điềm lành dữ.

Dạng Đế xa giá đến Duy Dương, nghe Sư là người kỳ dị bèn triệu đến. Ngay hôm đó Sư đi quanh quần trong cung, lục lọi khắp nơi để tìm cái đầu dê. Dạng Đế bực mình bắt Sư giao cho quan đình úy. Bọn thủ hạ nhốt Sư canh giữ rất nghiêm ngặt, nhưng vẫn thấy Sư ngày ngày xin ăn ở trong chợ. Quan Hữu ty tâu vua, vua sai người kiểm tra thì thấy cửa vẫn khóa chặt, đến khi mở cửa xem thì chỉ thấy áo ca-sa trùm trên một bộ xương bằng vàng, các đốt xương dính liền nhau. Hữu ty bẩm báo, vua ra lệnh cho Trường An Vương đi tìm Sư, lại hạ chiếu dùng bột hương, gỗ cây nặn hình Sư. Đêm ấy tượng mới nặn bỗng nhiên đứng dậy đi nói cười như người thật. Thấy vậy vua thả không nhốt Sư nữa.

Sau đó không lâu, Sư thị tịch, vua ra lệnh không tẩm liệm mà đặt Sư lên trên chiếu rồi nổi lửa đốt trong một ngày. Nửa thân Sư cháy khét. Sư chết, người ta an táng Sư bên cạnh chùa Hương sơn.

Mấy năm sau đó, có người từ Hải nam về thấy Sư chẳng bệnh hoạn, thương tật gì. Người ấy quật mộ Sư lên thì thấy quan quách trống trơn. Tính ra hồi ấy Sư đã hơn ba trăm tuổi. Đến khi Dạng Đế bị giết ở Giang đô, mới hiểu được vì sao Sư vào cung tìm đầu dê.

Trong Thạch Thất luận ghi: “Đường Mục Chi nói: “Xưa có thầy tướng nói Văn Đế sẽ được thiên hạ, quả nhiên về sau Văn Đế soán ngôi rồi làm vua. Cuối triều Chu, họ Dương là Bát trụ quốc công thần (tám người là trụ cột của quốc gia), công hầu nối nhau tồn tại rất lâu. Thế rồi con trai họ Dương soán ngôi, trị vì chưa đầy ba mươi năm, cuối cùng già trẻ gái trai đều chết bất đắc kỳ tử. Người ấy biết chắc thầy tướng sẽ nói rằng: Đó là cái họa của họ Dương”. Có thể nói ông ta là một thầy tướng giỏi”.

Mục Chi luận bàn thật khiến người khác phải khiếp sợ. Thế nhưng Văn Đế bình định thiên hạ, trị vì muôn dân, làm vua đến hai mươi bốn năm, đặt ra lễ nhạc, phép tắc mà sau này phần nhiều nhà Đường duy trì theo. Trong niên hiệu Nhân thọ, nhân khẩu trong nước là tám triệu bảy trăm ngàn người. Đất đai nhà Đường rộng lớn, qua năm đời vua đến cuối năm Thiên Bảo chỉ mới hơn chín triệu người. Tùy Văn Đế mở mang đất nước, khiến thiên hạ thái bình, ông quả là anh chủ của một thời đại. Chỉ tiếc rằng trong những năm cuối, Tùy tin dùng họ Dương đến nỗi tan tành sự nghiệp. Than ôi! Đâu chỉ có Văn Đế mà từ Ngụy, Tấn về sau Phù, Thạch, Diêu, Lưu, Tiêu, Trần Cao, Vũ Văn, họ Dương, cả thảy mười ba triều đủ làm minh chứng cho đạo lý thịnh suy, tuần hoàn của nhân quả, chẳng mảy may sai chạy.

Đạo giáo ta nêu ra bốn phương trời đất, thật có lợi lớn với quốc gia thiên hạ. Trong đó nhân quả báo ứng đại hợp với đạo trời, giúp trời hoàng hóa muôn dân. Thế nên kinh luận điển nói rất nhiều, sâu xa, minh bạch, cốt làm cho ai nấy tự tin. Nhân thế nào thì quả thế ấy, đâu thể trốn tránh.

Nho gia tuy cũng nói nhân quả tuần hoàn nhưng không nêu ra được đạo lý khuyến hóa. Thế nên Mục Chi chỉ đề cập đến Tùy Văn Đế mà không suy rộng đến mối tệ do tập nghiệp tuần hoàn trong những triều đại trước đó. Chỉ có nhà Đường dựng cơ nghiệp là khác với những triều này nên vận nước họ Đường tồn tại lâu dài hơn. Đó đủ làm gương sáng cho thiên hạ.